

Phẩm 21: KIM CANG TRÀNG BỒ TÁT HỒI HƯỚNG

A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Đức thành tựu không hủy hoại dụ cho tên gọi của Kim Cang, một mình vượt khỏi thế gian nêu ra Tràng để biểu hiện. Trong này tức là dùng Kim Cang làm Tràng, Bồ-tát là người, người có đức ấy, là Hữu tài thích. Xoay chuyển thiện căn của mình hướng về ở ba nơi, đây là pháp thuộc hành đức, gọi là hồi hướng của Kim Cang Tràng, là Y chủ thích cũng gồm chung Hữu tài thích. Lại gồm chung Trì nghiệp thích, bởi vì người và pháp ngay trong nhau. Nhưng bởi vì dựa vào người để hiển bày về pháp, cho nên nêu ra cả hai vậy thôi. Đây tức là thuận theo đức nêu ra tên gọi, dựa vào người để hiển bày về pháp.

B. Ý ĐƯA RA: Phần Tựa đã rõ ràng, phần Chánh Tông cần phải hiển bày, cho nên tiếp theo đưa ra.

C. TÔNG THỨ: Mười loại Đại Hạnh hồi hướng ba nơi, là Tông của phẩm này. Lại dùng Hạnh hải vô biên tùy thuận với Đại Nguyên không bến bờ, thành tựu đức dụng của pháp giới Phổ Hiền làm nơi hướng đến của Tông này, dẫn ra rõ ràng như văn sau.

D. TRONG GIẢI THÍCH VĂN có sáu phần:

- 1) Phần Tam-muội.
- 2) Phần Gia hộ.
- 3) Phần Phát khởi.
- 4) Phần Căn bản.
- 5) Phần Thuyết giảng.
- 6) Phần Chứng thành.

Bởi vì tụng riêng biệt tùy theo hạnh, cho nên không có phần Kệ tụng, giống như phẩm Thập Địa sau này.

Trong phần một là phần Tam-muội, vì sao nhập Định cũng có sáu ý giống như trước. Trong giải thích văn có ba: Một là nêu ra người nhập Định, bởi vì thuyết giảng về pháp Kim Cang, pháp cao vượt cho nên không khác tên gọi là Nhập; hai là tiếp nối uy lực; ba là chính thức hiển bày về người Nhập. Bồ-tát là nêu ra người khác với pháp, chọn lấy không phải là Định thuộc quả. Minh trí thì luận chung có bốn nghĩa: 1) Định thuộc gia hạnh ban đầu, gọi là Minh của chứng trí cho nên nói là Minh trí, như Minh đạt được-Minh tăng lên... 2) Dựa theo Định thuộc trí Căn bản, trí Căn bản chứng lý phá trừ Vô minh... gọi là Minh trí, như Tam-muội Quang Minh của Đại thừa, Địa Luận giải thích: “Quang Minh là bởi vì đối trị với Vô minh.” 3) Dựa theo Định thuộc trí Hậu đắc,

hiểu rõ về sở duyên cho nên gọi là Minh trí. 4- Dựa theo Định thuộc trí tự tại, nghĩa là trí tròn vẹn của Phổ Hiền soi chiếu rõ ràng pháp giới, cho nên gọi là Minh trí, như ngọc Pha-lê Đính Quang soi chiếu thế giới của mười Đức Phật... Trong này, Trí là Thể, Minh là Dụng. Vả lại, nếu Tam thừa dựa vào phần vị mà nói, thì trong này chỉ là Định ban đầu. Nếu dựa theo đức của Kim Cang Tràng mà luận, thì có đủ Định thuộc hai trí Căn bản-Hậu đắc. Nếu dựa theo Viên giáo để hiển bày, thì chỉ căn cứ vào một môn Hậu đắc. Tam-muội, Trung Hoa nói là Đẳng Trì, giải thích như trước.

Trong phần hai là phần Gia hộ, có ba: Một là tổng quát hiển bày về chủ động gia hộ; hai là phân rõ về gia hộ qua việc làm; ba là chính thức hiển bày về tướng gia hộ.

Trong phần một cũng có năm:

1) Trình bày về chư Phật hiện thân, nghĩa là khắp mười phương trăm vạn đều ở phân tán cách xa nhau, giống như trước giải thích; lại nhiều Đức Phật gia hộ thì thêm kính trọng pháp, hiển bày cũng giống như trước.

2) Cùng tên gọi thì có bốn ý giống như trước.

3) Tỏ ý khen ngợi đạt được Định.

4) Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trình bày về chỗ dựa đạt được Định, nghĩa là mười phương chư Phật tự nói thực hiện gia hộ khiến cho đạt được Định này.

5) Từ “Hựu Lô-xá-na...” trở xuống là Đức Phật ấy tự giải thích về nguyên do thực hiện gia hộ, có bốn câu: a) Nhờ vào nguyện lực vốn có của Lô-xá-na mà khiến cho Ta thực hiện gia hộ; b) Nhờ vào thần lực hiện tại của Lô-xá-na cảm đến với nhau cùng gia hộ; c) Nhờ vào trí thanh tịnh bậc Thượng của Kim Cang Tràng cảm đến cho nên thực hiện gia hộ; d) Nhờ vào thiện căn thuần thực của các Bồ-tát thích hợp nghe pháp này mà cảm được chư Phật gia hộ, vì thế cho nên Kim Cang Tràng cần phải tiến vào Định này. Lại trước đây trong Thập Trú chỉ có lực thiện căn của mình chứ không có lực của các Bồ-tát, trong Thập Hạnh có lực của các Bồ-tát mà không có lực thiện căn của mình. Trong này có đủ là hiển bày về tướng của phần vị dần dần tăng lên, vốn là sơ lược phỏng theo trước sau. Trong bốn câu, hai câu đầu là lực của quả, hai câu sau là lực của nhân. Vì sao phải có bốn lực này? Một là lực hiển bày về gốc sâu dày của pháp tích lũy đức lâu dài mà thành, hai là đức thành tựu hiện tại làm cho có tác dụng gợi mở căn cơ. Trên đây là lực của Hóa chủ. Ba là lực của Trợ hóa, bốn là lực của cơ cảm.

Trong phần hai là phân rõ về gia hộ qua việc làm, có 22 câu: Đầu là 10 câu nêu rõ đã thành tựu, sau là 12 câu trình bày về việc đã làm.

Trong phần đầu chữ “Dục linh Bồ-tát” nối thông với các câu sau, 10 câu phân ba:

Một, bốn câu đầu là giúp cho các Bồ-tát đạt được Trí đức tròn vẹn: 1) Mười trí Vô úy đối với duyên không sợ hãi gì; 2) Bốn mươi trí Vô ngại thường thuyết giảng không gián đoạn; 3) Trí tự tại ngay trong nhau tiến vào pháp giới duyên khởi; 4) Làm cho trí thuộc nhân tiến vào quả hiển bày thành tựu tâm rộng lớn vô cùng tròn vẹn là Đại Bi.

Hai, ba câu tiếp là giúp cho các Bồ-tát đầy đủ phước đức: 1) Trình bày về thiện căn rộng nhiều; 2) Trình bày về khéo léo lìa nhiễm, nghĩa là vô lậu vốn gọi là Bạch tịnh; 3) Trình bày về khéo léo rất sâu xa, nghĩa là tiến vào pháp giới rộng khắp. Lại hiển bày về trùng trùng vô tận, bởi vì trong mỗi một môn thâm nhiếp tất cả các môn, cho nên gọi là Phổ Môn, nương theo Phổ Môn này mà tiến sâu vào pháp giới, do đó đầy đủ đức không có cùng tận.

Ba, ba câu sau cuối là giúp cho các Bồ-tát khởi lên Dụng tự tại: 1) Khiến cho hiện bày Thần túc thông của Phật; 2) Khiến cho nghĩ đến Túc mạng thanh tịnh; 3) Khiến cho đạt được trí lực của các căn, nghĩa là phân biệt cảnh Phật để giữ gìn căn cơ. Lại có việc làm trước đây, nghĩa là giữ gìn thiện căn ấy khiến cho tăng trưởng. Vì thành tựu sự việc lợi ích như vậy, cho nên gia hộ.

Trong phần sau là trình bày về việc đã làm, có 12 câu phân hai:

Một, ba câu đầu chính thức trình bày về việc đã làm, nghĩa là thuyết giảng nhiều về Chánh pháp: Một là tổng quát hiển bày về nhiều môn; sau là riêng biệt phân rõ, câu đầu trình bày về Trì thành tựu là phương tiện phát khởi thuyết giảng, câu sau chính thức hiển bày về Thập Hồi Hương đầy đủ trọn vẹn đã nói, cho nên nói là Cụ túc.

Hai, chín câu sau hiển bày về việc làm đã nói, phân ba: Ba câu đầu dựa theo phần vị: 1) Thâm nhiếp Địa tiền; 2) An lập Địa thượng; 3) Tiếp nối quả Phật.

Ba câu tiếp dựa theo tu tập: 1) Khiến cho bắt đầu phát khởi Đại nguyện Thập Hồi Hương; 2) Khiến cho thuyết giảng tiến vào hồi hương thật tế; 3) Khiến cho nhận biết hồi hương pháp giới rộng lớn.

Ba câu tiếp dựa theo con người: 1) Khiến cho người gieo trồng thiện căn phát sinh hoan hỷ, lại bởi vì hồi hương là pháp mà tất cả Bồ-tát cùng tu tập, cho nên đều hoan hỷ; 2) Trình bày về hồi hương này là pháp mà tất cả chư Phật cùng tu tập, cho nên khuyến khích khiến tu; 3)

Kết luận thành tựu về nhân hạnh, hạnh là Liễu nhân có thể biểu hiện về tánh, cho nên gọi là hộ trì.

Lại giải thích: Mười câu trước là thành tựu hạnh Tự lợi của các Bồ-tát, mười hai câu sau là thành tựu hạnh Lợi tha của các Bồ-tát, nhưng cũng nối thông với nhau. Lại đều đầu là tổng quát, sau là riêng biệt. Đồng-dị, thành-hoại dựa theo Địa Luận nên biết.

Trong phần ba là tướng gia hộ có ba: Trước là gia hộ bằng ngữ nghiệp, tiếp là gia hộ bằng ý nghiệp, sau là gia hộ bằng thân nghiệp.

Trong phần trước là gia hộ bằng ngữ nghiệp có chín câu, ông thuyết giảng về pháp này là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Ở đây thuyết pháp có hai loại: 1) Tha lực thuyết giảng, cũng là lực của quả, cũng là lực của Tăng thượng duyên, như kinh nương theo uy lực của Phật mà thuyết giảng; 2) Tự lực có thể thuyết giảng, cũng là lực của nhân vị, cũng là lực của nhân duyên. Vì thế cho nên pháp này dùng nhân quả tự-tha, dung hợp thân-sơ mới có thể có thuyết giảng.

Trong Tự lực có tám câu: Đầu là ba câu trình bày về lực của pháp thanh tịnh có tạo tác: 1) Tổng quát, nghĩa là đã trú trong nhà của Phật, thì lý nên thuyết giảng về pháp để làm gia nghiệp; 2) Riêng biệt, câu một là nuôi lớn công đức vô lậu, câu hai là tiến vào trí tuệ tổng trì vốn là ở trong nhà của Phật.

Tiếp là hai câu về lực của pháp thanh tịnh không có tạo tác: 1) Chứng được Thường thân của Phật; 2) Chiếu rọi Chân tánh của pháp.

Sau cuối là ba câu hiển bày về lực thanh tịnh của thân: 1) Bạch tịnh như nhau là tất cả không giống như Nhị thừa; 2) Trú rộng rãi như nhau là tất cả Bồ-tát; 3) Trú vô ngại như nhau là tất cả Phật. Đây là Địa tiền mà nói tất cả Phật, là thuộc phần vị Phổ Hiền của Viên giáo, như trước sau đã nói.

Trong phần tiếp là gia hộ bằng ý nghiệp có hai: Trước là chính thức gia hộ, sau là giải thích riêng về ý gia hộ.

Trong phần trước có mười câu: Một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt.

Trong riêng biệt: Đầu là ba câu trao cho trí thuyết giảng: 1) Phân biệt Cú thân là Từ vô ngại; 2) Không có chướng ngại là Lạc thuyết vô ngại; 3) Vô ngại pháp minh và vô ngại pháp nghĩa. Tiếp là ba câu trao cho trí thuộc ba nghiệp cùng giáo hóa, khiến dùng ba Luân giống như Phật để thành tựu giáo hóa có thể biết.

Sau cuối là ba câu trao cho trí thuộc nghi thức thuyết pháp: 1) Khiến cho lúc thuyết pháp tâm không thiên lệch, chỉ làm lợi ích cho

nên nói là hưởng về phước trí; 2) Tiếp xúc đối với các pháp đều có thể phát sinh phương tiện khéo léo hiểu biết rõ ràng; 3) Đối với duyên đích thực thuyết giảng không có cùng tận. Lại đầu là nói về tâm, tiếp là nói về hiểu biết, sau là nói về việc làm. Tất cả mọi nơi là Đốn thuyết, không gián đoạn là Thường thuyết.

Phần giải thích riêng về ý gia hộ và thân gia hộ cùng với phần Phát khởi, đều giải thích như trước.

Trong phần bốn là phần Căn bản, trước là nhắc nhở Đại chúng, sau là chính thức hiển bày có hai: Trước là trình bày về Thể, sau là hiển bày về Tướng.

Trong phần trước có hai: Một là tổng quát nêu ra, hai từ “Tất phổ...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về không nghĩ bàn. Đại nguyện là tổng quát nêu lên, nghĩa là mong muốn gọi là Nguyện, sâu rộng gọi là Đại, vượt quá phạm vi hạn lượng gọi là Bất tư nghị. Đây là nguyện vô chướng ngại thuộc tự Thể của Phổ Hiền có đủ tất cả đức dụng vô hạn của pháp giới, như đã nói ở sau phẩm này. Toàn bộ các đức ở trong một câu Đại nguyện này, cho nên nói là Bất tư nghị. Nói tổng quát tuy là như vậy, nhưng luận riêng biệt thì có mười:

1) Điều mong muốn không nghĩ bàn, nghĩa là cần phải đạt được Vô thượng Đại Bồ-đề.

2) Chịu đựng khổ đau không nghĩ bàn, nghĩa là không có khổ đau nào bằng đường ác thế gian trải qua nhiều kiếp chịu đựng có thể hủy hoại được nguyện này.

3) Nhận chịu phiền muộn không nghĩ bàn, nghĩa là đối với chúng sinh khó cảm hóa, vong ân bội nghĩa nào hại Bồ-tát, Đại nguyện như ban đầu nhiếp hóa không thay đổi.

4) Khó hủy hoại không nghĩ bàn, nghĩa là không có Thiên ma, Nhị thừa, dị thuyết nào có thể hủy hoại nguyện này mà không thuận theo cảm hóa.

5) Rộng lớn cho nên không nghĩ bàn, nghĩa là tất cả pháp giới-chúng sinh giới... như nói mười câu đến tận cùng.

6) Sâu xa cho nên không nghĩ bàn, hợp cùng pháp tánh như tánh khởi nguyện.

7) Thân nhiếp đức của Phật không nghĩ bàn, ngay nơi Thể thân nhiếp đầy đủ biển công đức rộng lớn vô hạn của pháp giới.

8) Sinh ra không nghĩ bàn, nghĩa là dựa vào Đại nguyện này sinh ra tất cả các hạnh Ba-la-mật không thể cùng tận, giống như biển rộng sinh ra vật báu không bao giờ hết.

9) Đại dụng không nghĩ bàn, nghĩa là Đại nguyện vốn có thành tựu không có công phân rõ sự việc, như Diệt định nghe tiếng nguyện lực khởi lên...

10) Nghịch thuận không nghĩ bàn, nghĩa là Đại nguyện ứng với khắp nơi, tương tự với cơ thành tựu lợi ích, nghịch thuận nhiều cách không phải là phần vị dưới mà suy lường được. Như vậy Thật đức của Đại nguyện vô tận, dựa vào quy phạm phân rõ làm mười, tất cả đều hiển bày như trong phần Thuyết giảng ở sau. Sau là riêng biệt cứu giúp khắp nơi... trình bày về Lợi tha rộng lớn, Học ba đời... là hiển bày về Tự lợi rộng lớn, đều có đủ mười nghĩa trước đây, có thể biết. Lại trong này, đầu là Quán tướng, tiếp là Đại thiện, sau là không khiếm nhược. Trong sáu quyết định có ba loại, nghĩa còn lại giống như trước giải thích.

Trong phần sau là hiển bày về Tướng, có hai: Một, nêu ra số lượng hiển bày về thù thắng, nghĩa là ba đời cùng thuyết giảng hiển bày về pháp yếu thù thắng; hai, nêu ra tên gọi hiển bày về thù thắng, trước là nêu ra tên gọi, sau là dẫn ra ba đời cùng thuyết giảng để hiển bày về thù thắng. Nêu ra tên gọi thì nghĩa về mười Hồi Hưởng sơ lược đưa ra năm môn: 1) Giải thích tên gọi; 2) Nghĩa tướng; 3) Thể tánh; 4) Xác định phần vị; 5) Pháp hành sai biệt.

Phần một là giải thích tên gọi: Một, Giải thích về tên gọi tổng quát, một số tròn vẹn dựa vào quy phạm nói là mười, hồi hướng là nghĩa tức là Đối số thích. Nhưng hồi hướng có ba: Một là dựa theo lý, rời bỏ tướng gọi là Hồi, tiến vào lý gọi là Hưởng; hai là dựa theo lợi ích chúng sinh, đạt được lý không chứng gọi là Hồi, Đại Bi tùy theo có cứu giúp chúng sinh gọi là Hưởng; ba là dựa theo Bồ-đề, thiện căn đã tu không mong cầu Nhị thừa-Tam hữu gọi là Hồi, đích thực hưởng đến Vô thượng Bồ-đề gọi là Hưởng. Hai, Tên gọi riêng biệt: 1) Thiện căn của Bồ-tát cứu giúp phiền não-nghiệp-khổ cho các chúng sinh gọi là Cứu, khiến cho trú trong Bồ-đề gọi là Hộ, tuy thành tựu cứu hộ nhưng đối với chúng sinh soi chiếu tánh bình đẳng, cho nên gọi là Ly tướng. Lại cứu giúp là Đại Bi, lia xa là Đại Trí. Lại đầu là tâm bình đẳng rộng lớn, sau là tâm không điên đảo. Hồi hướng là hạnh, nghĩa là dùng thiện căn hồi hướng thành tựu hạnh lia xa tướng cứu giúp chúng sinh như vậy, cho nên gọi là Hồi Hưởng, từ những pháp hưởng đến mà lập thành tên gọi. 2) Đối với Tam Bảo đạt được niềm tin bất hoại, dùng thiện căn này mà thành tựu hồi hướng, đây là dựa theo chủ động xoay chuyển Thể của hành làm thành tên gọi. 3) Học theo chư Phật ba đời đã thực hiện hồi hướng, gọi là giống như chư Phật, từ những pháp đã học mà lập thành tên gọi, gồm

chung chủ động-thụ động xoay chuyển. 4) Bồ tát làm cho thiện căn đến tất cả mọi nơi, mà cũng hồi hướng cho tất cả mọi nơi, gồm chung chủ động-thụ động mà lập thành tên gọi. 5) Dùng kho tàng công đức vô tận của mình đã thành tựu mà thành tựu hồi hướng, từ hạnh chủ động hồi hướng làm thành tên gọi. 6) Bồ thí bắt dứt ba Luân gọi là thuận bình đẳng, đây cũng là hạnh chủ động hồi hướng. Lại gọi là thiện căn kiên cố, là rời bỏ ba loại không kiên cố, thuận theo thành tựu ba kiên cố mà gọi tên. 7) Dùng thiện căn của tâm bình đẳng để thuận theo làm lợi ích cho chúng sinh, từ chủ động-thụ động mà lập thành tên gọi. 8) Thiện căn phù hợp theo nhau, lấy thành tựu chỗ dựa của hồi hướng làm tên gọi. 9) Không để cho ràng buộc nhau, không vướng mắc đối với kiến giải, tác dụng tự tại cho nên gọi là giải thoát, như Giải thoát không nghĩ bàn... cũng là chủ động-thụ động kết hợp làm tên gọi. 10) Xứng với tánh phát khởi Dụng, nghĩa là dùng thiện căn pháp giới hồi hướng về pháp giới, ngay nơi pháp mà lập thành tên gọi.

Phần hai là hiển bày về Nghĩa tướng, có hai: Trước là riêng biệt, sau là gồm chung.

Trong riêng biệt: Bảy loại trước là tùy theo Sự hành, ba loại sau xứng với Lý hành.

Trong bảy loại trước: Đầu là một loại không trú vào Bi-Trí trình bày về hạnh căn bản. Tiếp là bốn loại trình bày về tướng của hạnh, trong đó một là tâm kiên cố phát khởi hạnh, hai là dựa theo Phật phân rõ về rộng rãi, ba là dựa theo Pháp hiển bày về khắp nơi, bốn là dựa theo Đức hiển bày về nhiều. Sau cuối là hai loại trình bày về hạnh thành tựu, một là Trí hạnh thành tựu, hai là Bi hạnh thành tựu.

Trong ba loại sau: Một là chính thức cùng với lý kết hợp để hiển bày về Thể sâu rộng, hai là trình bày dựa vào Thể phát khởi Đại dụng không giới hạn, ba là hiển bày về Thể-Dụng vô ngại tự tại viên minh.

Trong phần sau là luận gồm chung, trong mỗi một hạnh đều có ba loại hồi hướng, nghĩa là dùng thiện căn hồi hướng về Chúng sinh, hồi hướng về Bồ-đề, hồi hướng về Thật tế, những loại này đều có hai nghĩa cho nên thành tựu hồi hướng.

Một, chúng sinh có hai: 1) Bởi vì thiện căn của Bồ-tát cần phải dựa vào chúng sinh mà thành tựu, là phạm vi của chúng sinh, do đó pháp vốn như vậy vẫn hướng về chúng sinh; 2) Nói chung đã là Bồ-tát chắc chắn vì hóa độ chúng sinh, thì cứu giúp chúng sinh đầy đủ cho nên lý cần phải hướng về họ, không như vậy thì giống như Nhị thừa tự độ mình chứ không phải là Bồ-tát.

Hai, Bồ-đề có hai: 1) Thiện căn của Bồ-tát dựa vào Đại Bồ-đề mà thành tựu, bởi vì từ Đại Bồ-đề phát ra, vốn là phạm vi của Đại Bồ-đề, pháp vốn như vậy quy về Đại Bồ-đề; 2) Nói chung là tâm ý của Bồ-tát chắc chắn vì cầu Vô thượng Bồ-đề, vì thế cho nên phép tắc trong gia tộc là hướng về Đại Bồ-đề.

Ba, Thật tế có hai: 1) Thiện căn của Bồ-tát duyên theo thành tựu vô tánh, dựa vào Chân mà thành tựu, bởi vì từ Chân phát ra, là vật của Chân, pháp vốn như vậy mà hướng về Chân; 2) Nói chung là Bồ-tát nhất định vì chứng Chân mà rời xa Vô minh, bởi vì hiểu rõ hai Không.

Hỏi: Vì sao cần đến ba pháp hồi hướng này?

Đáp: Ba pháp này có nhiều nghĩa, luận sơ lược về mười loại: 1) Dựa theo tâm Bồ-đề vốn có ba tâm, luận Khởi Tín nói: “Tâm Bồ-đề có ba: Một là Trực tâm, bởi vì Chánh niệm về pháp Chân như; hai là Thâm tâm, bởi vì vui với tu tập tất cả các thiện hạnh; ba là Đại Bi tâm, bởi vì cứu giúp trừ diệt khổ đau cho tất cả chúng sinh.” 2) Dựa theo thành tựu ba tụ giới của Bồ-tát, nghĩa là Luật nghi lìa xa lỗi lầm hướng về Thật tế, Nhiếp thiện tu tập nhiều pháp hướng về Bồ-đề, Nhiếp sinh phát khởi Đại Bi hướng về Chúng sinh, vì thế cho nên kinh Pháp Tập nói: “Nếu Bồ-tát rời bỏ tâm hồi hướng đối với ba tụ thì Bồ-tát không nên cộng trú.” 3) Dựa theo thành tựu hai hạnh, Thật tế hướng về hạnh bảo vệ phiến não, hai loại còn lại là hạnh bảo vệ Nhị thừa. 4) Thành tựu về hạnh thuộc hai Lợi, hướng về Thật tế là Tự lợi, hướng về Chúng sinh là Lợi tha, hướng về Bồ-đề gồm chung hai Lợi. Lại giải thích: Bồ-đề là Tự lợi, Chúng sinh là Lợi tha, Thật tế cả hai đều không phải. 5) Dựa theo thành tựu ba Đức-ba Thân, nhờ vào ba Hạnh của nhân vị thành tựu ba Đức của quả vị, hướng về Thật tế thành tựu Đoạn đức, hướng về Bồ-đề thành tựu Trí đức, hướng về Chúng sinh thành tựu Ân đức; ba Thân như thứ tự có thể biết. 6) Dựa theo thành tựu Bi-Trí, trong Trí soi chiếu Lý hiển bày về Sự phân làm hai cho nên có ba. 7) Chỉ dựa theo Bi, nghĩa là vì sao hướng về Bồ-đề? Là bởi vì chúng sinh. Tại sao vì chúng sinh? Bởi vì chúng sinh tức là Chân mà không biết. 8) Dựa theo Trí, nghĩa là vì thấy tướng nhiễm của chúng sinh không còn, tức là tướng nhiễm của Thật tế không hủy hoại, do đó bởi vì chúng sinh trao cho trí Phật, cho nên hướng về Bồ-đề. 9) Dựa theo Vô ngại, nghĩa là Trí chứng Bồ-đề giống như lý tánh, tướng nhiễm của chúng sinh tức là không khác với Chân, cho nên hướng về một tức là hướng về ba. 10) Dựa theo Viên minh, nghĩa là ba pháp viên dung đều thấu nhiếp đầy đủ đức tự tại của pháp giới. Tất cả pháp môn ngay trong nhau-hòa vào nhau vô ngại, suy

nghĩ điều này!

Phần ba là trình bày về Thể tánh, có hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong tổng quát có ba: Một là dựa theo chỗ dựa dùng Tam-muội Minh trí làm Thể; hai là lấy Đại nguyện trong phần Căn bản làm Thể; ba là luận đầy đủ có sáu pháp làm Tánh: 1) Định; 2) Trí; 3) Nguyện; 4) Bi; 5) Dựa vào pháp giới; 6) Cùng với tác dụng của thông tuệ-giải thoát không nghĩ bàn... làm tánh.

Trong riêng biệt phân rõ về Thể, sau ở phần Thuyết giảng tùy theo phần vị mà hiển bày về Thể.

Phần bốn là xác định phần vị, đây là cuối cùng phần vị Giải-Hạnh đầy đủ Tăng-kỳ thứ nhất. Theo Phật Tánh luận thì đến phần vị này đầy đủ mới gọi là phần vị Bất thối. Theo Du-già thì trong phần vị này hãy còn tự rơi vào trong địa ngục.

Có chỗ nói phần vị này hãy còn thuộc về phần vị Tư lương, bởi vì ở sau hồi hương, nói riêng biệt về bốn thiện căn vốn là gia hạnh. Có chỗ nói phần vị này gồm chung hai phần vị, bởi vì ở trong Hồi hương thứ mười thuộc về gia hạnh. Có chỗ nói phần vị này tổng quát là gia hạnh, bởi vì Trú tâm trở về sau thuộc phần vị của hai thiện căn trước, Mãn tâm trở về sau thuộc phần vị của hai thiện căn sau. Trên đây là tổng quát dựa theo Sơ giáo mà nói.

Có chỗ nói bắt đầu Thập Trú là phần vị Bất thối, hướng gì đến phần vị này. Vả lại, Tam Hiền đều là phương tiện hướng tới Thánh, không phân biệt Tư lương-Gia hạnh xa gần. Đây là dựa theo Chung giáo, Đốn giáo thì tất cả hành vị đều không thể nói được. Lại dựa theo văn sau này, ở trong phần vị này thâm nhiếp tất cả phần vị, đầy đủ hạnh Phổ Hiền, cho nên phần vị đầy đủ tức là nhân tròn vẹn. Đây là dựa theo phần vị Phổ Hiền thuộc Viên giáo mà nói.

Phần năm là pháp hành sai biệt, có hai: Một là dựa theo tướng của hạnh Phổ Hiền thuộc phần vị thật tế; hai là dựa theo tướng của hạnh sai biệt nhờ vào pháp. Điều phân rõ như trong phần Thuyết giảng sau này.

Trong phần năm là phần Thuyết giảng, nhưng phần vị Đại hồi hương có hai phần: Một- Phần quả, phần này không thể nói được, không phải là ở đây luận bàn. Hai- Phần nhân, tùy theo nói có bốn: 1) Chỉ dựa theo tướng của phần vị, như Thủ giáo-Chung giáo nói, như kinh Anh Lạc-Bổn Nghiệp... phân rõ. 2) Chỉ dựa theo tự Thể, như Đại hạnh hồi hương của Phổ Hiền không dựa vào các phần vị. 3) Bởi vì Thể của hạnh thuận theo pháp môn sai khác của phần vị mà nói, tức là như văn

sau này phân biệt Hồi hướng làm thành mười môn. 4) Dùng pháp môn của phần vị tùy theo Thể viên dung của hạnh mà nói, như trong mỗi một phần vị sau này thâm nhiếp tất cả phần vị, thứ mười tức là đến phần vị viên mãn của nhân pháp giới cứu cánh. Nay trong văn này chính thức phân rõ hai loại sau thâm nhiếp đầy đủ hai loại trước, cũng là bên trong thâm nhiếp phần quả, dựa theo suy nghĩ về điều này.

Trong văn có hai: Trước là phân rõ một phương thuyết về Thập Hồi Hướng, sau là kết luận nối thông mười phương đã thuyết về tất cả vô tận Thập Hồi Hướng.

Trong phần trước cũng có hai: Một, chính thức thuyết giảng; hai, mặt đất rung động... là trình bày về lợi ích của thuyết giảng.

Trong phần một thuyết giảng về Thập Hướng tức là mười đoạn, mỗi một đoạn đều có hai: Trước là trường hàng, sau là kệ tụng. Trường hàng đều có hai: Đầu là hạnh của phần vị, sau là quả của phần vị. Cũng có đoạn không đầy đủ, đến văn biết rõ. Hạnh của các phần vị đều có ba: Một là nêu lên; hai là giải thích để hiển bày; ba là kết luận về tên gọi.

* **Hồi Hướng thứ nhất, trong giải thích có hai:** Một, nêu ra Thể của hạnh, nghĩa là thiện căn thuộc các hạnh như sáu Độ-bốn Vô lượng... mà Bồ-tát này đã thực hành, nghĩ muốn hồi hướng, văn ấy có thể biết. Hai, từ “Tu thiện căn dĩ...” trở xuống là chính thức trình bày về Hồi hướng. Trong đó có hai: Đầu là hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề trình bày về hạnh cứu hộ chúng sinh; sau từ “Bồ-tát như thị hồi hướng diệt vô trước...” trở xuống là hồi hướng Thật tế trình bày về lìa xa tướng chúng sinh.

Trong phần đầu có bốn: Một, Trình bày vì lợi ích an lạc cho chúng sinh mà thực hiện hồi hướng, trong đó có ba: 1) Tổng quát nêu ra; 2) Từ “Dĩ thử sở tu...” trở xuống là riêng biệt phân rõ; 3) Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận. Trong riêng biệt có hai: a) Dùng thiện căn cứu giúp ba đường ác gọi là Cứu; b) Từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là trừ diệt khổ đau đưa vào nẻo thiện gọi là Hộ.

Lại đầu khiến cho lìa xa khổ đau gọi là An lạc, sau khiến cho tu thiện gọi là Lợi ích, trong đó có mười câu: 1) Trừ diệt khổ đau hiện hiện tại; 2) Khiến cho trừ bỏ phiền não chướng; 3) Lìa xa nghiệp chướng vì thế cho nên không còn sợ hãi; 4) Khiến cho đạt đến Bồ-đề; 5) Khiến cho đạt được Niết-bàn; 6) Khiến cho đoạn trừ Sở của sở tri chướng; 7) Khiến cho đoạn trừ Tập của sở tri chướng; 8) Khiến cho đạt được trí như Lý; 9) Khiến cho đạt được trí như Lượng; 10) Khiến cho đạt được trí vô ngại về Lý-Lượng.

Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận, khiến cho đạt được Nhất thiết trí.

Hai- Từ “Phật tử thử Bồ-tát...” trở xuống là đối với chúng sinh oán thù xấu ác điều hòa rèn luyện tâm Bi sâu xa hồi hướng nhận chịu khổ não, trong đó có năm: 1) Đối với chúng sinh oán thù điều hòa rèn luyện tâm Bi; 2) Đối với chúng sanh xấu ác điều hòa rèn luyện tâm Bi; 3) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là dùng lý để giải thích về nguyên do thực hành rèn luyện thành tựu; 4) Từ “Bồ-tát như thị quán...” trở xuống là điều hòa rèn luyện thực hành thành tựu tâm Bi càng tăng lên; 5) Từ “Bồ-tát dĩ chư thiện căn hồi hướng thời...” trở xuống là chính thức dùng thiện căn hồi hướng thành tựu lợi ích.

Trong một có hai: a) Trình bày về tâm quán bình đẳng của Bồ-tát, có nêu ra-giải thích; b) Từ “Nhược chúng sinh hoại ác...” trở xuống là hướng về cảnh oán thù để rèn luyện tâm, có pháp-dụ-hợp.

Trong hai từ “Nhất thiết đồng môn...” trở xuống là đối với chúng sinh xấu ác điều hòa rèn luyện tâm Bi, trong đó cũng có hai: Đầu là tổng quát đối với chúng sinh xấu ác mà tâm không loạn động, có pháp-dụ-hợp. Trong hợp có hai: Một là trình bày về tâm mình không lay động; hai từ “Chánh ý...” trở xuống là lợi ích không thay đổi. Trong phần một, bị phiền não làm lui sụt Đại mà học theo Tiểu gọi là tán loạn; hai từ “Nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là riêng biệt đối với chúng sinh xấu ác không rời bỏ làm lợi ích. Trong đó có năm loại chúng sinh: a) Đối với loại nhiều xấu ác mà không ghét bỏ; b) Đối với loại khó cảm hóa mà không rời bỏ; c) Từ “Tuy hữu...” trở xuống là đối với loại tà-sân mà không thay đổi; d) Từ “Nhược kiến...” trở xuống là đối với loại không có niềm tin mà không vứt bỏ; e) Từ “Nhược dữ...” trở xuống là thâm nhiếp chúng sinh ngu si mà không có gì phiền muộn.

Trong ba là dùng lý để giải thích, trước là đưa ra, sau là giải thích. Đưa ra ý là vì sao người xấu ác may mắn được cứu giúp mà lại phụ ân, vì sao Bồ-tát gặp phải phiền muộn mà vẫn cứu giúp? Sau trong giải thích:

Một là tổng quát giải thích, nghĩa là nhờ vào Đại trí mà Bồ-tát thấy lý có thể không nghĩ đến xấu ác, nhờ có Đại trí mà có thể cứu giúp người xấu ác, như mặt trời có hai nghĩa, một là tuy người mù bài bác không có mặt trời mà mặt trời không có suy nghĩ tính toán, hai là cũng không rời bỏ mà vẫn soi chiếu đến người bài bác; mặt trời trí tuệ của Bồ-tát cũng như vậy, do đó nói là cho đến điều phục tất cả chúng sinh. Hai là riêng biệt giải thích có hai: Một, nghĩ đến Đại chí vốn có thành

tự hạnh điều phục cũng có hai câu: 1) Trở lại nêu ra sáu sự việc, nghĩa là Chí nguyện vốn có đã không vì một chúng sinh..., lẽ nào gặp ngang trái nhỏ nhoi mà làm trái với Chí nguyện vốn có hay sao? 2) Thuận theo hiển bày cũng có sáu sự việc có thể biết, nghĩa là phương tiện thành tựu Đại sự, lý phải nhận chịu trái ngược để cứu giúp người xấu ác kia.

Hai, trở lại hiện rõ Đại tâm bởi vì thành tựu công hạnh điều phục, trong đó: Câu đầu là tổng quát, nghĩa là Thể của tâm Bồ-đề này đáng tôn quý cho nên gọi là Bảo, do đó giả sử có phiền muộn ngang trái, nhưng vì giữ gìn tâm này thì lý cần phải không có thay đổi. Sau là trong riêng biệt có sáu câu: 1) Nghĩa về thế lực, nghĩa là có thể sinh ra cảnh của Như Lai, cho nên gọi là lực của cảnh ấy; 2) Nghĩa về khắp nơi, cho nên nói là rộng lớn; 3) Nghĩa về rất sâu xa, cho nên nói là bình đẳng; 4) Nghĩa về lìa cấu nhiễm, cho nên nói là không có lười nhác; 5) Nghĩa về hiếm có, cho nên nói là tu khó mà đạt được; 6) Nghĩa về thù thắng nhất, cho nên nói là sánh bằng Phật. Bởi vì Đại tâm này mà lý cần phải cứu giúp người xấu ác như vậy, do đó Bồ-tát khiến cho công hạnh tăng thêm.

Trong bốn từ “Bồ-tát như thị quán...” trở xuống là kết luận về điều hòa rèn luyện thực hành thành tựu khiến cho tâm Bi tăng trưởng. Trong đó, quán xét như vậy là khéo léo nhắc lại hiểu rõ về công hạnh trước đây, Tín tâm thanh tịnh là tâm tin tưởng quyết định đối với đạo lý đã hiểu rõ trước đây. Sau dựa vào quyết định này làm cho tâm Bi tăng trưởng, nghĩa là tâm Bi thực hành không trống rỗng, cho nên nói là không những miệng nói. Tâm Bi này là tổng quát, từ “Ư chư chúng sinh...” trở xuống chín tâm là riêng biệt: 1) Vui vẻ làm điều lợi ích; 2) Không hề nghi ngờ lẫn lộn, cho nên nói là Minh tịnh; 3) Nén mình hướng về chúng sinh, cho nên nói là Nhu nhuyễn; 4) Lòng dạ thương xót thiết tha, cho nên nói là Từ tâm; 5) Nghĩ nhớ yêu thương sâu xa, cho nên nói là Ái niệm; 6) Thân nhiếp khiến cho giống như mình trong pháp Bồ-đề, cho nên nói là Nhiếp thủ; 7) Trao cho Đại hạnh, cho nên nói là Nhiêu ích; 8) Khiến cho đạt được Niết-bàn, cho nên nói là An lạc; 9) Khiến cho đạt được Bồ-đề, cho nên nói là Tối thắng. Nhờ vào năng lực hiểu biết thực hành suy nghĩ chọn lựa trước đây, cho nên phát sinh những tâm này đối với chúng sinh, vì vậy dựa vào đây để thành tựu hồi hướng.

Trong năm là điều hòa rèn luyện thiện căn đích thực để hồi hướng. Trong đó, trước là nêu ra thiện căn, nghĩa là Bồ-tát ấy dựa vào tâm thù thắng, lúc chính thức dùng thiện căn hồi hướng dấy lên nghĩ đến lời thể

như vậy: Không phải là dứt khoát khiến cho thiện căn vốn có xưa kia của mình hồi hường chúng sinh, nếu mình nhờ vào tất cả công đức hồi hường chúng sinh trước đây, và tất cả công đức vì chúng sinh hồi hường Bồ-đề, thì trở lại đem công đức này hồi hường chúng sinh khiến cho đạt được những nẻo thanh tịnh như vậy. Dùng lời thể quan trọng này chuyển các thiện căn khiến cho đến nơi chúng sinh. Trong đó có hai: Một là hồi hường chúng sinh khiến cho thành tựu pháp khí; hai từ “Phục tác niệm...” trở xuống là khiến cho đạt được pháp thành tựu đầy đủ.

Trong phần một, có hai: 1) Khiến cho đạt được thân pháp khí, nghĩa là nẻo thanh tịnh là nơi tu hành, đời sống thanh tịnh là thân tu hành, còn lại là duyên thực hành, đầy đủ không thể hết được. 2) Từ “Thường đắc...” trở xuống là khiến cho đạt được tâm pháp khí, có hai: a-Khiến cho không nhiễm đối với lỗi lầm, nghĩa là thân tuy tôn quý mà tâm không sai lạc lỗi lầm, tuy ở nẻo thanh tịnh mà không mê mờ cấu nhiễm, cho nên nói là nẻo phân biệt. b-Từ “Tư lượng...” trở xuống là đối với đức khởi lên mong cầu có thể biết.

Trong phần hai là khiến cho đạt được pháp đầy đủ, có hai: 1) Thấy Phật có được niềm tin; 2) Nghe pháp giữ gìn thực hành. Ở trong thực hành pháp, có hai: a) Khiến cho thành tựu đức của hạnh thuộc Tự phần. Bảy loại tài sản, theo kinh Niết Bàn thì Tín-Giới-Tâm-Quý-Văn-Thí-Tuệ là bảy, tức là bảy loại trước trong Thập Tạng. b) Từ “Tu học nhất thiết...” trở xuống là khiến cho thành tựu đức thuộc Thắng tiến, trong đó có ba: Một là khiến cho đầy đủ đức thuộc Tự lợi; hai từ “Ưu nhất thiết...” trở xuống là thành tựu đầy đủ Lợi tha mãn, có ba nghiệp có thể biết; ba từ “Linh nhất thiết...” trở xuống thành tựu Phật quả cứu cánh.

Ba- Từ “Bồ-tát phục niệm chúng sinh tạo tác...” trở xuống là trình bày về đối với chúng sinh nhận chịu đau khổ, dùng Đại Bi sâu dày hồi hường chịu thay khổ đau, trong đó có bảy:

1) Tổng quát đối với chúng sinh khổ đau khởi niệm thay thế cứu giúp, trong đó có hai: a) Nghĩ đến chúng sinh vì tội lỗi nghiệp báo nhận chịu khổ đau; b) Từ “Ngã đương ư bỉ...” trở xuống là khởi niệm thay thế cứu giúp. Trong đó có hai: Trước là tổng quát nêu ra, không bởi vì khổ mà tâm lui sụt... là điều hòa rèn luyện tâm Bi sâu dày không hề mệt mỏi; sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích hiển bày về ý thay thế cứu giúp. Trong đó trước là nêu ra ý rằng: Các chúng sinh ấy tự nhận chịu khổ não, đối với Bồ tát đâu cấp bách mà phải thay thế nhận chịu? Sau trong giải thích có hai: Một là vì đầy đủ Bốn nguyện của mình, cho nên thay thế cứu giúp, nghĩa là Bồ-tát từ ban đầu phát Đại thế nguyện

xả bỏ thân mạng của mình chỉ vì chúng sinh lìa xa đau khổ có được niềm vui, chứ không vì điều gì khác, cho nên chúng sinh đều là gánh nặng của Bồ-tát đã đảm nhận; bởi vì đầy đủ Đại nguyện đồng Thể như vậy, cho nên chúng sinh khổ đau là nỗi lo buồn của Bồ-tát. Sau từ “Độ thoát nhất thiết...” trở xuống là hiển bày về việc mà Bồ-tát đã làm, nghĩa là cứu giúp nhân quả khổ đau. Hai từ “Chúng sinh thường vi...” trở xuống là vì thương xót chúng sinh mê lầm mà thay thế cứu giúp không mệt mỏi, trong đó có ba: a) Nêu ra Si-Ái là nhân của khổ đau; b) Từ “Nhiệm trước...” trở xuống là trình bày về dựa vào Ái mà nhận chịu khổ đau; c) Từ “Tùy chư...” trở xuống là trình bày về dựa vào Si mà nhận chịu khổ đau, trong đó thuận theo ma là Si theo Tà, nghi ngờ Phật là Si trái với Chánh. Đây là không có nhân thiện, không đạt được đạo xuất thế là trình bày về không đạt được Bồ-đề, không thấy an ổn là trình bày về không đạt được Niết-bàn. Đây là không có quả thiện, thường rong ruổi... là trình bày về luôn luôn nhận chịu quả khổ.

2) Từ “Bồ-tát kiến chúng sinh...” trở xuống là nêu ra nghi thức cứu giúp hồi hướng những việc làm của mình, trong đó có ba: a) Tổng quát nêu ra như hồi hướng tâm Bi thấy chúng sinh nhận chịu khổ đau trước đây; b) Từ “Dĩ Đại hồi...” trở xuống là chính thức hiển bày về nghi thức thực hành, có ba câu: Một, Dùng Đại hồi hướng bằng tất cả Đại tâm của mình, câu này có bốn nghĩa: Một, dùng thiện căn xứng với pháp giới hồi hướng cho một chúng sinh, tất cả chúng sinh khác cũng như vậy; hai, vì tất cả chúng sinh trải qua vô lượng kiếp nhận chịu khổ đau không mệt mỏi; ba, cần phải khiến cho tất cả chúng sinh đạt được Vô thượng Bồ-đề trước mình; bốn, nhưng đối với chúng sinh và công hạnh hồi hướng không thấy chủ động-thụ động, cùng một pháp giới bình đẳng không hai, đó gọi là hồi hướng thuộc Đại hồi hướng. Hai, Thuận với việc làm của Bồ-tát ba đời, nghĩa là Bồ-tát ba đời đã thuận theo thực hiện hồi hướng, mình cũng như các vị ấy mà thực hiện. Ba, Thuận với Giáo cao nhất, nghĩa là như Viên giáo đã nói Phổ Hiền hồi hướng, mình nên thuận theo Giáo ấy mà thực hiện. c- Từ “Linh nhất thiết...” trở xuống là trình bày về nhờ vào hồi hướng khiến cho có sự đạt được.

3) Từ “Phục tác thị niệm ngã đương tất linh...” trở xuống là nêu ra hồi hướng cứu giúp của mình đã thành tựu lợi ích, trong đó có ba câu: a) Trú xứ của Trí Vương là Niết-bàn; b) Khiến cho đạt được tâm Nhất thiết trí là Bồ-đề; c) Gạt bỏ mà vượt ra... khiến cho lìa xa sinh tử, nghĩa là gạt bỏ những ác hiểm mà ra khỏi nỗi khổ Phần đoạn, vượt qua dòng chảy sinh tử mà ra khỏi nỗi khổ Biến dịch.

4) Từ “Phục tác thị niệm ngã đương vi nhất...” trở xuống là trình bày đã thấy lợi ích trên đây phát khởi chí nguyện đích thực mong muốn thay thế khổ đau của ngục tù ấy, trong đó có bốn: a) Tổng quát nêu ra; b) Từ “Ngã đương vi nhất thiết...” trở xuống là phát khởi chí nguyện mong muốn chịu thay khổ đau cho tất cả mọi nơi; c) Từ “Ngã đương ư nhất nhất...” trở xuống là trình bày về chịu thay khổ đau cho tất cả mọi lúc; d) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về ý chịu thay khổ đau.

Hỏi: Tự mình làm thì tự mình chịu, vì sao Bồ-tát có thể thay thế được?

Đáp: Trong này, Bồ-tát chịu thay khổ đau cho chúng sinh, luận tổng quát có sáu nghĩa:

a) Nghĩa là bởi vì sự việc khổ đau tự mình cần phải tăng thêm nguyện hạnh ấy.

Trong Du-già quyển 49 nói: “Hỏi: Lúc Bồ-tát từ Thắng giải hạnh địa thuận theo tiến vào Tịnh thắng ý lạc địa, vì sao vượt lên trên các nẻo ác...?”

Đáp: Các Bồ-tát này dựa vào Tĩnh lực thanh tịnh của thế gian ngăn chặn, đối với Thắng giải hạnh địa tự mình khéo léo tích tập tư lương của Bồ-đề, đối với 110 nỗi khổ của các loại hữu tình như trước nói, tu tập thương xót không tư duy điều gì khác. Do sự tu tập này làm nhân duyên, cho nên đối với Sắc loại của các hữu tình ấy đã đạt được ý thích xót thương và ý thích của Bi. Nhờ vào nhân duyên này làm lợi ích cho các hữu tình trong nẻo ác, cho nên thể ở trong nẻo ác như nhà cửa của mình, phát ra lời thề như vậy: Nếu mình chỉ ở trong xứ sở như vậy mà có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thì cũng có thể chịu đựng để trừ diệt khổ đau cho tất cả hữu tình, vốn là nghiệp thuộc các nẻo ác của tất cả hữu tình. Dùng ý thích thanh tịnh đều nguyện tự mình chịu thay chúng sinh, tiếp nhận quả dị thực khổ đau, bởi vì làm cho cuối cùng tất cả nghiệp ác vĩnh viễn không hiện hành, tất cả nghiệp thiện luôn luôn hiện hành, cho nên tâm phát ra Chánh nguyện. Bồ-tát ấy nhờ vào nguyện lực của Bi, tu tập Tĩnh lực thanh tịnh của thế gian như vậy, cho nên các phẩm phiền não của tất cả nẻo ác vốn có thô nặng, đối với Sở y của mình đều được trừ diệt. Bởi vì đoạn trừ phiền não này, cho nên Bồ-tát không bao lâu đạt được Chuyển y, đối với tất cả nghiệp ác của các nẻo ác hoàn toàn không dấy lên, đối với các nẻo ác quyết định không qua lại. Đến phạm vi này thì Bồ-tát gọi là vượt lên trên tất cả nẻo ác, cũng gọi là vượt lên trên Thắng giải hạnh địa, cũng gọi là đã tiến vào Tịnh thắng ý lạc địa.” Giải thích rằng: Tịnh thắng ý lạc địa là Sơ

địa, bởi vì ở Địa tiền khởi lên Bi nguyện này đoạn trừ nghiệp của nẻo ác liền tiến vào Sơ địa, đối với hữu tình ấy chưa hẳn thật sự thay thế, đây là dựa vào Sơ giáo phân rõ.

b) Dựa theo Bồ-tát giữ lại phiền não đồng sự thọ thân có khổ, giống như chúng sinh đau khổ mà thuyết pháp cho họ, khiến cho nghe pháp tránh khỏi đau khổ, cho nên gọi là thay thế.

c) Giả sử có chúng sinh nào mà sắp tạo tác các nghiệp vô gián, thì Bồ-tát cảm hóa ngăn lại, không thuận theo liền đoạn mạng sống của chúng sinh ấy, bởi vì đoạn mạng sống của chúng sinh ấy mà Bồ-tát tự nhận chịu khổ báo của nẻo ác, để cho chúng sinh ấy được tránh khỏi khổ đau vô cùng của vô gián, đây cũng gọi là thay thế. Đây là dựa vào Lương Nhiếp luận quyển thứ 11 phân rõ. Hai cách giải thích trên đây dựa vào Chung giáo.

d) Bởi vì Bồ-tát từ lúc bắt đầu Chánh nguyện vì chúng sinh nhận chịu khổ đau, tu tập Nguyện này đến phần vị cuối cùng, Nguyện thành tựu tự tại, thường ở trong nẻo ác cứu giúp chịu khổ thay cho chúng sinh, như Bồ-tát Địa Tạng... và Bồ-tát Trang Nghiêm Vương...

e) Bởi vì Nguyện này của Bồ-tát phù hợp với Chân như, chúng sinh khổ đau ấy cũng là duyên thành tựu Vô tánh tức là Chân như. Bởi vì Nguyện giống với Như vẫn bí mật đến, tức là khổ của Chân, dựa vào sự dung thông này cũng gọi là thay thế. Đây là dựa theo Nguyện lực đồng Thể.

f) Bởi vì Phổ Hiền dùng pháp giới làm thân, tất cả chúng sinh đều là pháp giới, tức là chúng sinh nhận chịu khổ đau luôn luôn là Phổ Hiền, cho nên gọi là thay thế. Nay kinh văn này thuận theo ba cách giải thích sau, tuy là Địa tiền mà chính là phần vị Phổ Hiền, cho nên có thể thay thế.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao còn có chúng sinh nhận chịu khổ đau?

Đáp: Điều này không nhất định, nếu khiến cho nhận chịu khổ đau mà có lợi ích thì Bồ-tát khiến cho nhận chịu cũng gọi là thay thế. Lợi ích bí mật này không phải là người bình thường mà biết được, cho nên không thể chất vấn. Lại giải thích bởi vì nghiệp khổ có hai, đó là định và bất định, nhận lấy quả báo cũng như vậy. Quả báo bất định ấy do lực của hai duyên, thì cũng có thể thay đổi: 1) Do lực của nhân, nghĩa là lực tác ý tăng thượng của chúng sinh ấy; 2) Do lực của duyên, nghĩa là do lực của cảnh tăng thêm hơn hẳn của duyên bên ngoài. Nay Bồ-tát đối với quả báo bất định đã làm lực của duyên thù thắng, và khiến cho

chúng sinh ấy phát khởi tác ý tăng thượng, khiến cho quả báo ấy có nhẹ nhàng-có thoát khỏi.

5) Từ “Bồ-tát phục tác thị niệm ngã đương...” trở xuống là trình bày về lời chân thành biểu lộ chí nguyện hiển bày vì chúng sinh không trống rỗng, trong đó có ba: a) Lời chân thành vì chúng sinh, có tổng quát nêu ra-riêng biệt giải thích, nghĩa là bởi vì thấy chúng sinh khổ đau mà phát tâm để cứu giúp, lời này nếu trống rỗng thì vốn là không phát tâm, tâm nhờ vào đây mà phát, cho nên lời nói và việc làm không trống rỗng. b) Từ “Bất cầu tôn...” trở xuống là làm sáng tỏ không vì mình, cũng đầu là tổng quát phân rõ, tiếp từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu, sau từ “Bồ-tát minh kiến...” trở xuống là kết luận về không vì mình. c) Từ “Đản dục...” trở xuống là kết luận về việc đã làm.

6) Từ “Bồ-tát phục tác thị niệm ngã đương dĩ chư thiện căn...” trở xuống là trình bày chính thức dùng thiện căn như lời nói hồi hướng khiến cho có được lợi ích vui sướng, trong đó có hai: Một là khiến cho có được niềm vui, hai là khiến cho thành tựu lợi ích. Trong phần một: a) Có được các loại niềm vui là tổng quát nêu ra; b) Riêng biệt có mười câu: 1) Phạt quả cùng cực gọi là Cứu cánh; 2) Lợi ích thấm nhuần không giới hạn gọi là Nhiều ích; 3) Vượt lên trên người khác gọi là Bất cộng; 4) Vô vi thường an gọi là Tịch tĩnh; 5) Lìa lỗi thanh tịnh gọi là Vô nhiễm; 6) Duyên không có thể hủy hoại gọi là Vô động; 7) Xứng tánh rộng nhiều gọi là Vô lượng; 8) Tánh không có biến dịch gọi là Bất tử bất chuyển; 9) Thường hằng vô tận gọi là Bất diệt, đây là niềm vui của Đại Niết-bàn; 10) Minh tuệ tự tại gọi là Nhất thiết trí, đây là niềm vui hiểu biết của Đại Bồ-đề.

Theo kinh Giải Tiết cũng có năm Lạc: 1) Niềm vui xuất gia, bởi vì giải thoát gánh nặng gia đình; 2) Niềm vui xa lìa, bởi vì đoạn dục đạt được Sơ thiên; 3) Niềm vui tịch tĩnh, bởi vì Nhị thiên là đầu tiên hiểu rõ về quán hơi thở; 4) Niềm vui Bồ-đề, bởi vì hiểu rõ như thật đối với pháp; 5) Niềm vui Niết-bàn, bởi vì ngừng chuyển hóa tiến vào Vô dư.

Hai từ “Ngã đương vi tác điều ngự...” trở xuống là khiến cho thành tựu lợi ích, trong đó có mười câu, sáu câu đầu là gộp lại để nêu ra: 1) Bạc thầy; 2) Bề tôi; 3) Sáng suốt; 4) Ánh đuốc; 5) Nơi chốn; 6) Lìa xa chướng nạn và hiểu về pháp, bởi vì đều giống như trước cho nên tóm lược mà thôi. 7) Khiến cho hiểu rõ về lý sâu xa; 8) Trí hành thành Đệ; 9) Phước hành cầu Quả; 10) Khiến cho hưởng về Niết-bàn, cho nên nói là nêu rõ đến bờ kia.

7) Từ “Bồ-tát dĩ thị vô lượng...” trở xuống là trình bày về hành chân thật thành tựu lợi ích, trong đó có mười câu: Đầu là một câu nhắc lại hồi hướng trước đây; tiếp hai câu là dưới thì cứu giúp nỗi khổ của chúng sinh, trên thì thuận với ý Phật; tiếp hai câu là đạt được Chánh-rời bỏ Tà; tiếp hai câu là lia xa ác-gân gửi thiện; tiếp hai câu là thành tựu thanh tịnh-diệt trừ cấu nhiễm; sau từ “Cụ túc...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Bốn- Từ “Bồ-tát dĩ thiện căn chính hồi hướng dĩ...” trở xuống là trình bày về chỉ nêu rõ Đại chí nguyện vì tất cả chúng sinh chứ không nghĩ đến hồi hướng, trong đó có ba: 1) Nêu rõ Đại chí nguyện của mình; 2) Trình bày về không có ý niệm mong cầu; 3) Trình bày về hồi hướng cao nhất.

Trong phần một: Đầu là kết thúc phần trước; từ “Tác thị niệm...” trở xuống là sinh khởi phần sau. Trong đó có hai: Trước là dụ có hai, một là dụ về một mặt trời chiếu rọi nhiều nơi, hai là dụ về mặt trời chiếu rọi nhiếp thành tựu. Sau từ “Bồ-tát diệc như thị...” trở xuống là pháp hợp, trong đó có hai: Một là trình bày chỉ có chí nguyện làm nhiều lợi ích, kết hợp với dụ đầu; hai từ “Dục vi...” trở xuống là chính thức thành tựu việc làm lợi ích, kết hợp với dụ sau, trong đó có mười câu có thể biết.

Trong phần hai: Từ “Bồ-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là không có ý niệm mong cầu, trong đó có hai: Đầu là trở lại nêu ra, nghĩa là không có ý niệm mong cầu đền ân đối với chúng sinh thuần thiện, không có ý niệm rời bỏ lia xa đối với chúng sinh xấu ác. Sau từ “Đản cần...” trở xuống là thuận theo hiển bày, nghĩa là trước khiến cho đạt được quả vui sướng; sau từ “Nhiếp thiếu...” trở xuống là khiến cho thành tựu nhân thiện, nghĩa là dùng thiện căn nhỏ bé để hồi hướng mong cầu quả Đại Bồ-đề, cho nên gọi là hồi hướng rộng lớn. Đây là hiển bày về Bi sâu xa, dù cho thiện nhân nhỏ bé mà cũng dùng phương tiện để thành tựu hồi hướng rộng lớn.

Trong phần hai: Từ “Nhược chư thiện căn...” trở xuống là chính thức trình bày về hồi hướng cao nhất, nghĩa là tất cả pháp thiện đều thâm nhiếp, tất cả hồi hướng đều cao nhất. Trong đó có hai: Một là nêu ra thiện căn cao nhất, đầu là trở lại nêu ra, nghĩa là nếu thiện căn của mình thật sự không có thể lợi ích cho chúng sinh, thì mình cũng không tu pháp thiện ấy, cũng không thực hiện hồi hướng; sau là thuận theo hiển bày, nghĩa là bởi vì thiện căn của mình thật sự có thể lợi ích cho chúng sinh, cho nên hồi hướng mà thôi. Đây là trình bày về hồi hướng đến tận

cùng. Hai từ “Linh nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là trình bày về hồi hướng thành tựu đến tận cùng, không đắm vào pháp... là khiến cho rời bỏ Vọng, bởi vì tánh chúng sinh... là trình bày tiến vào Chân, đây cũng là khiến cho chúng sinh tiến vào Thật tế.

Đoạn lớn thứ hai từ “Bồ-tát như thị hồi hướng diệc vô sở trước...” trở xuống là trình bày về lìa tướng chúng sinh, tức là hồi hướng Thật tế. Trong đó có hai: Một, Trình bày về hiểu rõ tướng tiến vào Thật; Hai, Từ “Tùy phương tiện trí...” trở xuống là trình bày về dựa vào Thật phát khởi Dụng, cũng là đầu trình bày về không có hồi hướng, sau là trình bày về tất cả đều hồi hướng.

Trong phần một có hai: 1) Hiểu rõ hồi hướng Chúng sinh trước đây trình bày về tiến vào Thật tế; 2) Từ “Tu hành thanh tịnh...” trở xuống là hiểu rõ hồi hướng Bồ-đề trước đây trình bày về tiến vào Thật tế.

Trong phần một có ba: a) Chính thức hiển bày; b) Từ “Đản dục...” trở xuống là giải thích nghi ngờ; c) Từ “Dĩ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong phần a cũng có ba: Một là lìa xa Tướng hư vọng; hai từ “Bất trú tâm điên...” trở xuống là trình bày về lìa xa Tướng hư vọng; ba từ “Bất trước...” trở xuống là trình bày về lìa xa Danh không thật. Trong các kinh phần nhiều dựa theo ba loại này để trình bày về lìa xa hư vọng.

Trong mục một có ba: 1) Hiểu rõ về Đại Bi cứu hộ chúng sinh trước đây; 2) Từ “Bất cầu...” trở xuống là hiểu rõ về điều hòa rèn luyện tâm Bi đối với oán thù-xấu ác... trước đây; 3) Từ “Bất thủ chúng sinh tướng...” trở xuống là hiểu rõ về những hạnh chịu thay khổ đau trước đây.

Trong mục một có hai: a) Hiểu rõ về hạnh chủ động hồi hướng, nghĩa là không thấy có chủ động hồi hướng, có ba câu: Một là tổng quát hiển bày về Vô trước; hai là phá bỏ tánh; ba là phá bỏ tướng. b) Từ “Nghiệp báo...” trở xuống là hiểu rõ về chúng sinh đã hồi hướng, nghĩa là không thấy có thụ động hồi hướng, chủ động-thụ động đều bất dứt, hoàn toàn bình đẳng. Trong đó đầu là tổng quát hiển bày về nghiệp quả của chúng sinh đều hư vọng, vì vậy Bồ-tát không vướng mắc; sau là riêng biệt hiển bày, không giữ lấy năm Ấm là không trú vào có, không hủy hoại năm Ấm là không trú vào không có. Trên đây là không vướng mắc đối với quả báo của chúng sinh. Không giữ lấy nghiệp hư vọng, là không vướng mắc đối với nghiệp nhân của chúng sinh.

Trong mục hai là hiểu rõ điều hòa rèn luyện tâm trước đây, không

vì mong cầu đền đáp đối với người bội ân... mà khởi tâm oán ghét...; từ “Hư vọng nhân duyên...” trở xuống là giải thích, nghĩa là Nhân trống rỗng vốn không sinh, Duyên trống rỗng vốn không khởi, Báo trống rỗng vốn không trú, Đại Bi chịu đựng nỗi hại gọi là kiên cố, trống rỗng cho nên không trú vào đó, cầu mong báo ân... là pháp hư vọng cũng trống rỗng cho nên không trú vào.

Trong mục ba là hiểu rõ về chịu thay khổ đau, không giữ lấy tướng chúng sinh là trình bày về đã thay thế chúng sinh trống rỗng cho nên không có thay thế; không phân biệt thế giới là trình bày về nơi đã nhận chịu khổ đau, là ở vẫn trên đối với tất cả quốc độ-tất cả địa ngục đều trống rỗng cho nên không có nơi thay thế, nghĩa là thấy thế giới khổ-vui-nhiễm-tịnh bình đẳng cho nên nói là không phân biệt. Trên đây là lìa xa Tướng hư vọng, xong.

Trong mục hai là lìa xa Tướng hư vọng, ba Đảo tức là ba phiền não của tâm da thịt.

Trong mục ba là bởi vì Tướng và Tướng đều trống rỗng, tên gọi-ngôn từ cũng bật dứt, cho nên nói là không vướng vào lộ trình của ngôn ngữ.

Trong phần b là giải thích nghi ngờ, nghi ngờ rằng: Nếu chúng sinh đều trống rỗng thì hồi hướng cũng lìa xa, Bồ-tát vì sao mà thực hiện hồi hướng? Trong giải thích có năm: Một, câu tổng quát về giải thích, vì khiến cho chúng sinh hiểu rõ về Sinh Không này không có thật pháp hồi hướng, cho nên hồi hướng, chứ không phải là nói có hồi hướng, điều này giống như kinh Tịnh Danh vì chúng sinh nói pháp như vậy chính là Từ chân thật. Hai, quán sát như nhau là quán sát riêng biệt đã hồi hướng chúng sinh bình đẳng mà thực hiện hồi hướng. Ba, pháp giới phù hợp bình đẳng riêng biệt hiển bày có thể hồi hướng thiện căn xứng với tánh hồi hướng, trước là dùng lý phù hợp thực hành, sau là tánh của hành lìa xa cấu nhiễm, cho nên nói là lìa dục... Bốn, từ “Giải nhất thiết...” trở xuống là trình bày về chủ động-thụ động không hai, cùng một pháp giới, không có hồi hướng mà hồi hướng. Năm, chuyển sang nghi ngờ rằng nếu hồi hướng như vậy thì đối với các chúng sinh đâu có gì thêm bớt? Giải thích rằng đây là hồi hướng không hai, đối với công đức không sinh ra, đối với phiền não không diệt đi. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì đều tức là Không, cùng là Chân tánh, cho nên nói là không sinh-không diệt.

Trong phần c từ “Dĩ như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận hồi hướng bình đẳng.

Trong phần hai từ “Tu hành thanh tịnh...” trở xuống là hiểu rõ hồi hướng Bồ-đề trước đây mà tiến vào Thật tế, trong đó có ba: Một, Nhắc lại tất cả hành trước đây tu đối trị là nhân của xuất thế, thiện căn hồi hướng xuất thế chính là hồi hướng Bồ-đề trước đây. Hai, Từ “U thiện căn...” trở xuống là chính thức hiểu rõ tiến vào Thật, trong đó: Đầu là câu tổng quát nêu ra không dấy lên hai tướng, thiện căn-nghiệp là nhân đã hồi hướng, xuất thế Tát-bà nhĩ là quả tùy theo tướng làm thành hai, bởi vì hiểu rõ duyên quy về tánh bình đẳng không hai. Sau là riêng biệt hiển bày: Trước trình bày về nhân quả không thân cũng không sơ, hiển bày đều lìa xa có-không, cho nên gọi là không hai. Sau từ “Nguyện trí-nghiệp...” trở xuống là trình bày về lìa xa nhân quả có-không, xứng với tánh đều trong sáng, tánh trong sáng không khác nhau cho nên gọi là không hai. Những điều này đều giống như kinh Tịnh Danh nói bố thí hồi hướng Nhất thiết trí là hai, tánh của bố thí tức là tánh của hồi hướng Nhất thiết trí, đó gọi là tiến vào pháp môn Bất nhị. Ba-Từ “Xả ly...” trở xuống là trình bày về lợi ích của quán, đầu là lợi ích của lìa xa tán động, lợi ích của lìa xa kiêu mạn..., lợi ích của lìa xa hoặc nhiễm. Trên đây là phần hiểu rõ Tướng tiến vào Thật, xong.

Từ đây trở xuống là phần hai dựa vào Thật phát khởi Dụng, trong đó có ba: 1) Tổng quát nêu ra, nghĩa là đối với vắng lặng không đình trệ, ngay nơi Thật phát khởi Dụng, gọi là trí tùy theo phương tiện. 2) Từ “Linh nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là trình bày việc đã làm, nghĩa là khiến cho chúng sinh đạt được giải thoát ngay nơi Chân này, không vướng mắc pháp tánh là không đắm vào vắng lặng, thiện căn xứng với tánh cho nên nói là Vô lượng... Không có nghiệp báo ra khỏi nghiệp báo là trình bày dựa vào Lý dấy khởi Sự để thành tựu Đại Dụng mà không có công sức, trình bày về nghiệp quả không mất. 3) Kết luận về lợi ích của quán, lìa xa pháp ác là lợi ích lìa xa lỗi lầm, Đức Phật khen ngợi là lợi ích thành tựu pháp thiện. Lại lìa xa pháp ác là lợi ích vượt lên từ dưới thấp, Đức Phật khen ngợi là lợi ích thuận theo tiến lên cao.

Từ “Phật tử...” trở xuống là phần ba tổng quát kết luận về tên gọi.

Trong phần thứ hai là trùng tụng có hai: Trước là thuật rõ ý, sau là chính thức tụng.

Trong phần trước: Nương theo Phật lực, là hiển bày về chỗ dựa của thuyết giảng. Quán xét mười phương, trình bày về phạm vi giới hạn của thuyết giảng, nghĩa là bởi vì mười phương cùng thuyết giảng. Cùng với tất cả các chúng, làm sáng tỏ về thuyết giảng những việc đã làm.

Quán xét pháp giới, hiển bày về lý đã thuyết giảng. Tiến sâu vào câu nghĩa, trình bày về giáo nghĩa sâu xa. Đại Bi che phủ khắp nơi, phân rõ về tâm thuyết giảng rộng lớn. Hộ trì..., trình bày về lợi ích đã truyền trao, nghĩa là làm cho pháp này lưu hành tức là chúng tử Phật không đoạn mất. Hòa vào tất cả chư Phật..., hiển bày về lợi ích đã hòa vào. Sinh ra..., trình bày về lợi ích đã sinh ra. Khéo léo có thể phân biệt..., làm sáng tỏ dùng pháp thuận theo căn cơ, nghĩa là tâm phân biệt là nhận biết về Dục, thiện căn quá khứ là nhận biết về Căn, nhận biết về Thời không sai lạc là căn cơ chín muồi trao pháp không mất thời cơ. Đây đủ..., trình bày đã hiện thân thuyết pháp, nghĩa là bên trong đầy đủ Pháp thân, bên ngoài hiện rõ Sắc thân, đây là bởi vì có thân của pháp môn.

Trong phần sau là chính thức kệ tụng, dùng bốn câu làm tụng, có 28 kệ phân hai: Một, năm tụng tổng quát ca ngợi về thù thắng, không phải là tụng về văn trước đây; hai-Từ “Thập phương nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt tụng về văn trước đây.

Trong phần một phân hai:

Một, Hai tụng trình bày về Đại tâm vì chúng sinh mới tiến vào Tạng này. Trong đó có sáu Tâm: 1) Hai câu trình bày về tâm rộng lớn, 2) Tâm kiên cố, 3) Thường cầu... là tâm thù thắng, 4) Tâm thanh tịnh, 5) Tâm cung kính cúng dường, 6) Tâm sâu xa. Hiểu rõ pháp là Trí, cứu giúp chúng sinh là Bi, vị ấy có thể khéo léo tiến vào... là kết luận về hành tiến vào phần vị. Đây đủ sáu loại Đại tâm thù thắng này mới có thể tiến vào Tạng của Hồi Hướng này, vì thế cho nên Tạng này là rất thù thắng.

Hai, Có ba tụng trình bày về Đại lực làm lợi ích cho chúng sinh mới tiến vào Địa này, cũng có sáu Lực. Trong đó: Một, trong một tụng có ba lực về cứu giúp chúng sinh, một là lực dũng mãnh tinh tiến, hai là lực trí tuệ thanh tịnh, ba là lực kiên quyết nhẫn nại, từ “Thường năng...” trở xuống là một câu chính thức kết luận về cứu giúp chúng sinh. Hai, trong một tụng có hai lực làm lợi ích cho chúng sinh: a) Lực của Tín thanh tịnh, nghĩa là Vô đẳng là Phật, tâm an là tín tâm an định kiên cố, hoan hỷ-thanh tịnh là giải thích hiển bày về tướng của Tín; b) Lực của Đại nhẫn, nghĩa là bởi vì nhận chịu gánh vác nỗi hại vốn như mặt đất; câu sau là kết luận về làm lợi ích cho chúng sinh. Ba, từ “Bất dĩ khổ hạnh...” trở xuống là ba câu trình bày về lực Đại Bi cứu giúp chúng sinh, hai câu đầu nêu ra hạnh Đại Bi, một câu “Thường năng...” là kết luận về cứu giúp chúng sinh. Trên đây là tổng quát trình

bày về Đại lực cứu giúp chúng sinh là hạnh có thể tiến vào. Sau người ấy nhanh chóng tiến vào... là kết luận về hạnh tiến vào phần vị, nghĩa là đầy đủ Đại lực ấy mới có thể nhanh chóng tiến vào Địa thuộc Đại vô ngại của hồi hướng như vậy. Vì thế cho nên Địa này là rất thù thắng.

Trong phần hai là chính thức tụng về văn trước đây, có ba:

Một, Có ba kệ tụng về Thể của hạnh đã hồi hướng trước đây. Trong đó: Đầu là một kệ tụng về hạnh Tứ Đẳng trước đây, nghĩa là thâm nhiếp tất cả chúng sinh, tâm an trú thần thông đầy đủ bốn tâm, tu hồi hướng là trình bày về hạnh có thể hồi hướng; sau là hai kệ tụng về hạnh Lục Độ.

Hai, Từ “Thập phương nhất thiết thế giới trung...” trở xuống là mười kệ tụng về cứu hộ chúng sinh trước đây, tức là hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề, phân bảy: Một, hai kệ tụng về hồi hướng chúng sinh lợi lạc trước đây, kệ một tụng về an lạc, kệ hai tụng về lợi ích. Hai, có một kệ tụng về hồi hướng chịu thay khổ đau trước đây. Ba, có một kệ tụng về ý hồi hướng trước đây, nghĩa là không vì năm dục, chỉ vì chúng sinh cầu Phật. Bốn, có hai kệ tụng về hồi hướng hạnh Bi-Trí, trước là Trí và hạnh, sau là Bi và hạnh, nghĩa là đi qua thế giới làm an ổn chúng sinh là Bi, đây giống như là hạnh điều hòa rèn luyện trước đây. Năm, từ “Trừ diệt...” trở xuống là hai kệ tụng về hồi hướng tâm lìa nhiễm, giống như là không khởi tâm ghét bỏ... đối với chúng sanh xấu ác trước đây. Sáu, từ “Bồ-tát vị tăng...” trở xuống là một tụng trình bày về hồi hướng ba cõi không vướng mắc năm uẩn. Bảy, từ “Chư Phật...” trở xuống có một tụng, tổng quát kết luận về hạnh thâm nhiếp chúng sinh đến cuối cùng của Bồ tát.

Ba, Từ “Bồ-tát nhất thiết tâm an trú...” trở xuống là mười kệ tụng về lìa tướng chúng sinh, tức là hồi hướng Thật tế, phân hai: Một, ba kệ tụng về hiểu rõ tướng tiến vào Thật trước đây, hai tụng đầu trình bày về ba nghiệp hợp với Chân, một tụng sau trình bày về ba nghiệp thuận với lý, do đó khiến cho Đức Phật hoan hỷ. Hai, bảy kệ tụng về dựa vào Thật phát khởi Dụng trước đây, trong đó có bốn: 1) Một tụng trình bày về hạnh thù thắng của thân nghiệp. 2) Có bốn tụng trình bày về hạnh thù thắng của ý nghiệp, trong đó một là ngăn điều ác, hai là hợp với Chân, ba là hạnh kiên cố, bốn là hạnh đầy đủ. 3) Có một tụng trình bày về hạnh thù thắng của ngữ nghiệp, nghĩa là ngôn từ không vướng mắc, lời nói không ngăn ngại. 4) Cuối cùng là một tụng kết luận về hạnh thuận với lý khiến cho Đức Phật hoan hỷ.

* **Thứ hai trong Bát Hoại Hồi Hướng, có hai:** Trước là trường

hàng, sau là kệ tụng.

Trong phần trước cũng có hai: Đầu là hạnh của phần vị, sau là quả của phần vị.

Trong phần đầu có ba, đó là nêu ra-giải thích-kết luận.

Trong giải thích có ba: Một, nêu ra Thể của hành đã hồi hướng; hai, từ “Bồ-tát như thị đẳng thiện căn...” trở xuống là chính thức phân rõ về hồi hướng; ba, từ “Bồ-tát như thị thiện căn hồi hướng dục độ nhất thiết...” trở xuống là trình bày về tướng lợi ích của hồi hướng.

Trong phần một có hai: 1) Trình bày về Tín bất hoại; 2) Từ “Phật tử Bồ-tát an trú...” trở xuống là trình bày về dựa vào Tín bất hoại sinh ra và nuôi lớn thiện căn.

Trong phần một có mười câu phân ba: a) Ba câu đối với cảnh của Tam Bảo đạt được Tín bất hoại, trước là Phật, tiếp là Pháp, sau là Tăng. b) Có bốn câu đối với hạnh đã tu đạt được Tín bất hoại, trong đó: Một là tin hộ trì Chánh pháp quyết định thành tựu công hạnh; hai là tin hồi hướng chúng sinh quyết định làm cho lợi ích; ba là tin thiện căn đã tu thuận với lý thanh tịnh, vẫn có nêu ra giải thích; bốn là tin hạnh hồi hướng đã thực hành, tâm thẳng thắn... giải thích về thành tựu. c) Có ba câu đối với cảnh khó biết đạt được Tín bất hoại: Một là tin Sư thuyết pháp, như Dạ-xoa thuyết pháp cũng khởi lên tưởng về Phật, lại dù cho thấy thực hành trái ngược nhưng vì trọng pháp cho nên không hủy hoại niềm tin của mình; hai là tin tác dụng của quả Phật, nghịch thuận khó biết, như hiện ra làm Tỳ-kheo già...; ba là tin Bồ-tát phương tiện khéo léo, thị hiện sự việc bí mật thực hành trái ngược, như hiện ra dâm nữ..., như vậy đều khó biết mà có thể kiên quyết tin tưởng.

Trong phần hai là sinh trưởng thiện căn có ba: a) Nhắc lại cảnh Tín trước đây trình bày về gieo trồng phát sinh thiện căn, trong đó đầu là nhắc lại Tín bất hoại trước đây, từ “Ư chư Phật...” trở xuống là trình bày đối với phát sinh thiện căn. Trong đó Thanh văn... cũng là Tăng Bảo thâm nhiếp, chúng sinh là cảnh của mắt yêu thích đã quán xét-đã lợi ích trước đây, vô lượng cảnh như vậy gồm chung kết luận về nhiều cảnh đã tin trước đây. Nhờ vào Tín bất hoại đối với cảnh ấy, cho nên gieo trồng phát sinh đạt được vô lượng thiện căn này. b) Từ “Phân biệt...” trở xuống là trình bày dựa vào thiện căn này lại tăng thêm Đại tâm để phát sinh thiện căn. Cũng trước là nhắc lại thiện căn, nghĩa là tư duy phân biệt về thiện căn đã phát sinh trước đây, khiến cho tâm nhanh nhạy sắc bén tăng thêm Đại tâm. Lại phát sinh thiện căn, nghĩa là do phân biệt đối với Tam Bảo... trước đây mà phát sinh thiện căn, vì vậy

làm cho tâm Bồ-đề tâm được nuôi lớn. Do phân biệt thiện căn đã phát sinh đối với cảnh chúng sinh trước đây, cho nên tu tập Đại Từ. Nhờ vào hai tâm này tăng thêm nhiều, cho nên dựa vào đây lại tiếp tục phát sinh các thiện căn, cho nên nói là thiện căn đã phát sinh. c) Từ “Quảng tu...” trở xuống là trình bày về dựa vào Đại tâm này lại tăng thêm Đại hạnh để phát sinh thiện căn, có hai: Một là thành tựu hạnh A-hàm, trước là dựa vào tâm Từ trước đây khởi lên quán hạnh như Đại Bi...; sau là học theo những pháp Học của Phật, dựa vào tâm Bồ-đề phát khởi thực hành những pháp Học của Phật, dựa vào hai hạnh Bi-Trí này thâm nhiếp phát sinh tất cả thiện căn thanh tịnh. Hai là trình bày về hạnh chứng lý, trước là dựa vào Trí chứng lý tích tập công đức, sau là dựa vào Bi tuệ thí tu tập công đức. Lại giải thích: Hạnh A-hàm trước là thâm nhiếp thiện căn tiến vào Thật trong Gia hạnh, là hạnh tích tập công đức trong Chánh chứng, Đại tuệ thí... là tu tập công đức trong Hậu đắc. Thế của hành, xong.

Trong phần hai là chính thức hồi hướng, có hai: 1) Hồi hướng Bồ-đề và Chúng sinh; 2) Từ “Quán vô sinh tánh...” trở xuống là trình bày về hồi hướng Thật tế.

Trong phần một cũng có hai: Một, Chính thức dùng thiện căn trước đây để hồi hướng; Hai, Từ “Bồ-tát thiện căn hồi hướng dĩ...” trở xuống là trình bày về dùng quả báo thù thắng đã phát sinh do hồi hướng lại tiếp tục đem hồi hướng.

Trong mục một cũng có hai: Đầu là chính thức hồi hướng; sau từ “Bồ-tát như thị tinh cần...” trở xuống là kết luận thành tựu.

Trong mục đầu có mười câu: Câu đầu hồi hướng Nhất thiết trí là tổng quát nêu ra Bồ-đề mà mình mong cầu; từ “Thường kiến Phật...” trở xuống là chín câu hồi hướng thành tựu nhân hạnh. Trong đó năm câu đầu là thành tựu chỗ dựa của hạnh: a) Thường được thấy Phật; b) Gần gũi thiện hữu; c) Cùng với Bồ-tát tụ hội. Ba câu này là thành tựu duyên của hành. Tiếp một câu là thành tựu nhân của hành, nghĩa là nghĩ đến Tát-bà-nhã, là Nhất thiết trí đã hồi hướng trên đây. Tiếp một câu là thâm nhiếp các pháp thực hành, nghĩa là tiếp nhận giáo pháp của Phật ở nơi Phật pháp hưng thịnh, bảo vệ giáo pháp để lại của Phật sau khi Phật diệt độ.

Từ đây trở xuống bốn câu là hành đã thành tựu: Đầu là một câu về thành tựu hạnh Lợi tha, nghĩa là nguyện có thể ở nơi có lợi ích cho chúng sinh mà luôn luôn không lìa xa chí hướng xuất thế. Tiếp là ba câu về thành tựu hạnh Tự lợi: a) Hạnh cúng dường Thầy; b) Hạnh hiểu rõ

lý; c) Hạnh đầy đủ nguyện.

Trong mục sau là kết luận thành tựu, có ba: Một, Kết luận về thiện căn đã hồi hướng trên đây, nghĩa là vô lượng thiện là dựa vào Tín trước đây mà phát sinh thiện căn, tích tập trưởng dưỡng đều là dựa vào tâm Bồ-đề... trước đây mà phát sinh thiện căn. Hai, Từ “Chánh niệm đảnh...” trở xuống là kết luận về trí chủ động hồi hướng, nghĩa là suy nghĩ quán chiếu về đạo lý hồi hướng vốn là nghĩa chân thật, vì thế cho nên hồi hướng. Ba, Từ “Cung kính...” trở xuống là chính thức đầu nhiếp oai nghi để thành tựu hồi hướng.

Mục hai là dựa vào hồi hướng trước đây mà đạt được quả báo thù thắng lại tiếp tục hồi hướng, trong đó: Đầu là nhắc lại khởi hạnh trước đây tổng quát nêu ra những điều đã hồi hướng; sau từ “Linh ngã...” trở xuống là chính thức quay lại những nơi đã hướng về. Trong đó: 1) Cúng dường Phật; 2) Trình bày về cúng dường qua việc làm; 3) Kết luận về phạm vi giới hạn cúng dường; 4) Phân rõ về tâm chủ động cúng dường.

Trong mục một có hai: Trước là cúng dường Phật hiện tại; sau là cúng dường xá-lợi.

Trong mục trước: Trước là nêu ra đã cúng dường Phật, từ “Ư chư Như Lai...” trở xuống là chính thức trình bày về phát khởi cúng dường. Trong đó có ba: a) Tổng quát, nghĩa là như Phật đã ứng là trình bày về cúng dường xứng với cảnh giới Phật đã ứng để mà cúng dường; nghĩa là khắp pháp giới đều không thể biết, cho nên chỉ nói là như Phật đã ứng. b) Từ “Dĩ A-tăng-kỳ...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về cúng dường, có 67 câu về A-tăng-kỳ cúng dường đầy đủ. c) Từ “Dĩ như thị đảnh thượng diệu...” trở xuống là tổng quát kết luận về thường xuyên cúng dường.

Mục sau từ “Thử chư tối thắng...” trở xuống là trình bày về cúng dường xá-lợi.

Mục hai từ “Dục linh...” trở xuống là trình bày về cúng dường qua việc làm, có ba:

Một, Vì lợi ích chúng sinh cho nên cúng dường Phật, trong đó có ba câu: a) Khiến cho chúng sinh trông thấy sự cúng dường thù thắng này, hoan hỷ yêu thích sinh trưởng thiện căn cho nên nói là nhiếp thủ, chứ không phải là Bồ-tát đầu nhiếp thiện căn của chúng sinh. b) Khiến cho dựa vào pháp thiện là khổ mà phát tâm Bồ-đề. c) Dựa vào tâm Bồ-đề phát khởi thực hành tự trang nghiêm biểu thị cho vượt lên trên thế gian.

Hai, Từ “Thị hiện...” trở xuống có hai câu, bởi vì trọng đức của Phật cho nên phát khởi cúng dường: a) Bởi vì Phật hiếm được gặp; b) Bởi vì đầy đủ sức lực cúng dường Phật, nghĩa là đối với Đức Phật phát khởi cúng dường rất thù thắng này, là hiển bày uy lực của Như Lai trọn vẹn đầy đủ.

Ba, Từ “Thanh tịnh...” trở xuống có hai câu, vì tự tâm đối với Phật tin tưởng vui thích rất kính trọng cho nên phát khởi cúng dường: a) Bởi vì tin tưởng kính trọng đức của Phật; b) Bởi vì yêu quý bảo vệ giáo pháp của Phật, nghĩa là phát khởi cúng dường thù thắng này vốn là khiến cho mọi người kính trọng đối với Đức Phật.

Mục ba từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về phạm vi giới hạn của cúng dường, nghĩa là không cùng tận.

Mục bốn từ “Chư Phật thành tựu...” trở xuống là phân rõ về tâm thực hành chủ động cúng dường, trong đó có mười câu: 1) Bắt đầu thì không lui sụt; 2) Giữa chừng thì không có ngưng nghỉ; 3) Cuối cùng chưa hề lơ lửng; 4) Trong ba thời gian vui mừng không gián đoạn, gọi là ưu não không làm hỏng; 5) Tình thức không có mong cầu danh lợi... gì khác, cho nên nói là không đắm trước; 6) Cũng không nghĩ đến điều ấy, cho nên nói là không có tâm tưởng; 7) Cũng không có mong cầu hiện tại, cho nên nói là không có nhiễm trước, không có chỗ dựa; 8) Đối với thiện căn đã phát sinh cũng không sinh tâm đắm trước, cho nên nói là không phân biệt ý vị...; 9) Đã không mong cầu danh lợi hiện tại, lại không phân biệt ý vị thì thiện căn làm sao thành tựu công hạnh, nghĩa là pháp ấn chân thật của Phật phù hợp với nghiệp hạnh đã thực hiện của vị ấy; 10) Tâm thanh tịnh bình đẳng xứng với cảnh giới Phật, cho nên nói là trú trong trú xứ của Phật.

Trong phần hai là hồi hướng Thật tế, có hai: Một là bắt đầu tu; hai từ “Bồ-tát như thị xả ly...” trở xuống là trình bày về cuối cùng thành tựu.

Trong phần một có hai: 1) Trình bày về hồi hướng xứng với Thật; 2) Từ “Dĩ thử thiện...” trở xuống là trình bày về tương lợi ích của hồi hướng.

Trong phần một có bảy câu về hồi hướng: Một, một câu trình bày về trí quán gia hạnh, nghĩa là quán sát cảnh vô sinh phù hợp với tâm chủ động khởi lên trình bày về chủ động-thụ động tịch diệt, thọ trì... trình bày về thuận theo Phật Thánh thuyết giảng. Hai, quán sát pháp tánh bình đẳng là một câu trình bày về Chánh Thể của trí chứng tiến vào Thật tế. Ba, từ “Nhập vô hạnh...” trở xuống là bốn câu trình bày về

Hậu trí tu hạnh quán, trong đó: 1) Trình bày về hướng đến chứng phát khởi thực hành; 2) Hạnh khéo léo tùy theo quả báo; 3) Hạnh ở nơi có lìa nhiễm; 4) Thực hành hai hạnh vô ngại. Bốn, sau cuối là một câu tổng quát kết luận về đều hồi hướng.

Phần hai từ “Dĩ thử thiện căn...” trở xuống trình bày về tướng của lợi ích, trong đó có tám câu-bốn cặp: 1) Chán ngán quả báo bởi vì tâm kiên quyết cho nên không thể hủy hoại; 2) Cầu mong quả vị bởi vì tâm thấu triệt cho nên không lui sụt; 3) Tự hành không tán loạn; 4) Hóa tha không vướng mắc; 5) Tự hành rộng lớn; 6) Hóa hạnh kiên cố; 7) Nhân hạnh tròn vẹn thanh tịnh; 8) Quả đức đầy đủ tận cùng cho nên nói là cứu cánh...

Từ đây trở xuống là trong phần hai cuối cùng thành tựu hạnh: 1- Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; 2- Từ “Quán sát bình đẳng...” trở xuống là chính thức hiển bày về hạnh tiến vào pháp. Trong đó có hai: Trước là trình bày về hạnh vô ngại; sau từ “Như thị Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về hồi hướng thâm nhiếp hạnh.

Trong phần trước có hai: Một, Mười câu trình bày về hiểu rõ pháp rất sâu xa; Hai, Từ “Phân biệt Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về phát khởi hạnh vô ngại.

Trong phần một: Một câu đầu tổng quát quán sát các pháp Lý-Sự vô ngại cho nên nói là bình đẳng, nghĩa là Sự của Lý bình đẳng tận cùng thấu suốt nguồn Thánh cho nên nói là tiến sâu vào, Lý của Sự bình đẳng tận cùng giới hạn thuộc Sự này cho nên cũng nói là sâu xa, cả hai dung hòa không giới hạn, trí hiểu rõ tận cùng cho nên nói là tiến sâu vào. Chín câu sau hiển bày riêng biệt: 1) Trình bày về nghiệp không có Thế; 2) Báo tạm thời đáp lại nhân; 3) Các hành không có chủ; 4) Duyên sinh không có hệ thuộc; 5) Chánh hạnh tựa như có; 6) Pháp nhãn không có gì vướng mắc, phát sinh là giải thích về nguyên do của hạnh Bồ-tát như bóng, nghĩa là như con người trong mắt thế gian đã hiện ra hình ảnh, nay ở đây cũng như vậy, dựa vào pháp nhãn mà hiện ra; 7) Đã do Pháp nhãn vô tác mà dấy lên, cho nên tánh ấy luôn luôn vắng lặng; 8) Hiểu rõ hữu vi giống như vô vi, cho nên nói là tiến vào; 9) Cả hai dung hòa không hai, cho nên nói là hiểu rõ như thật tánh. Kinh Niết Bàn nói: “Minh và Vô minh, người ngu nói là hai, người trí hiểu rõ ràng tánh ấy không hai, tánh không hai tức là thật tánh.” Ở đây nói đến điều này.

Trong phần hai là trình bày về phát khởi hạnh vô ngại, có bốn câu: 1) Trình bày về thực hành lý sự vô ngại, nghĩa là do hiểu rõ về pháp không hai trước đây, cho nên phân biệt về tướng của hành mà không

vướng mắc vào tướng. 2) Thực hành hai Lợi vô ngại, nghĩa là đồng sự Lợi tha mà không rời bỏ pháp thiện thanh tịnh làm Tự lợi. 3) Lìa xa chướng ngại này, cho nên kết luận là không có chướng ngại vướng mắc. 4) Do hiểu rõ thực hành sâu xa, cho nên chư Phật hộ niệm là ngoại duyên thù thắng, xa rời ngu si là nội hành tăng thêm.

Từ đây trở xuống là phần sau thấu nhiếp hạnh thành tựu hồi hướng, có ba: Một là Sự không hủy hoại mà rõ ràng thấy Lý, bởi vì Sự tức là Lý không cần phải hủy hoại. Hai từ “Thiện giải...” trở xuống là trình bày về không trở ngại Lý mà khéo léo hiện rõ Sự, bởi vì Sự không cần phải hủy hoại cho nên không trở ngại tồn tại; Vô ngại như vậy mới hướng về pháp tánh mà đến được bờ giải thoát. Ba là hiểu rõ pháp hồi hướng, nghĩa là như lý mà quay lại để hướng đến Đại trí của Phật địa, khiến cho các thiện căn khác đều xứng với lý thành tựu, cho nên nói là tâm thanh tịnh. Do đó, quay lại hành này luôn luôn quay lại mà không có quay lại, cho nên nói là thực hành mà không có gì thực hành.

Từ đây trở xuống là đoạn lớn thứ ba trình bày về tướng lợi ích của hồi hướng, có bốn: 1) Vì lợi ích cứu độ chúng sinh, trong đó: Đầu là khiến tăng thêm chủng tử Phật, diệt trừ các nghiệp khổ; sau từ “Nhất thiết chúng sinh đắc...” trở xuống là khiến cho thành tựu trí thuộc quả, diệt trừ các phiền não. 2) Từ “Cứu cánh...” trở xuống là trình bày về lợi ích thành tựu Bồ-đề. 3) Từ “Đắc bình đẳng...” trở xuống là kết luận về lợi ích của Thật tế. 4) Từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là tổng quát kết luận về hồi hướng thành tựu lợi ích hướng đến quả. Trên đây là riêng biệt giải thích, xong.

Từ “Phật tử...” trở xuống là phần ba kết luận về tên gọi. Trên đây là hạnh của phần vị, xong.

Từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là phần thứ hai trình bày về quả của phần vị, trong đó: Đầu là mười câu riêng biệt hiển bày; sau là một câu tổng quát kết luận.

Trong phần đầu: 1) Lợi ích được thấy Phật; 2) Lợi ích đạt được pháp. Tám câu sau là lợi ích thành tựu hạnh. 3) Từ “Phổ ư chúng sinh...” trở xuống là thành tựu tâm làm lợi ích cho chúng sinh; 4) Rời bỏ ngu si tiến vào pháp là thành tựu hiểu rõ thuộc Tự lợi. Trên đây là thành tựu hạnh thuộc Tự phần, sau là trình bày về Thắng tiến. 5) Được các Như Lai... là trình bày về lập hạnh phá bỏ tà pháp; 6) Đầy đủ sinh ra tôn quý... là trình bày có đủ Chánh hạnh căn bản, nghĩa là tâm xuất thế gian làm cho sinh ra tôn quý, lại vốn từ Chánh pháp của Phật sinh ra; 7) Đạt được trí vô ngại... là trình bày về Đại trí phát ra từ bên trong; 8) Đối

với tất cả các pháp... là trí phát khởi soi chiếu Thật. Trên đây là thành tựu về trí thuộc Trí chánh giác thế gian. 9) Từ “Ủ nhất thiết sát...” trở xuống là thành tựu về trí thuộc Khí thế gian; 10) Từ “Trí tuệ cụ túc...” trở xuống là thành tựu về trí thuộc Chúng sinh thế gian.

Sau cuối là một câu tổng quát kết luận, có thể biết.

Phần thứ hai là kệ tụng, toàn bộ có 25 tụng phân bốn:

Một, Hai tụng về Thể của hành đã hồi hướng trước đây.

Hai, Từ “Nhất thiết thượng diệu...” trở xuống có chín tụng rưỡi tụng về hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề trước đây, trong đó phân bốn: 1) Bốn tụng về nhờ vào hồi hướng đạt được quả báo thù thắng cúng dường chư Phật trước đây; 2) Từ “Thiện phân biệt...” trở xuống là hai tụng về cúng dường Đức Phật qua việc làm, bởi vì lợi ích cho chúng sinh trước đây; 3) Từ “Nhất thiết chư Phật...” trở xuống là hai tụng rưỡi tụng về cúng dường xá-lợi Phật trước đây; 4) Từ “Bồ-tát thiện tri...” trở xuống là một tụng, tụng về hạnh hồi hướng cúng dường Đức Phật trước đây.

Ba, Từ “Thắng diệu trí...” trở xuống có bảy tụng rưỡi, tụng về hồi hướng Thật tế trước đây, trong đó phân bốn: 1) Ba tụng trình bày về hạnh quán sát lý tùy theo duyên, một kệ rưỡi về Tự lợi, một kệ rưỡi về Lợi tha; 2) Từ “Quán chúng sinh tâm...” trở xuống là hai tụng rưỡi trình bày về hạnh suy ra duyên tiến vào Thật; 3) Từ “Phân biệt sở hữu...” trở xuống là một kệ rưỡi trình bày về thực hành cả hai dung hòa vô ngại; 4) Từ “Phương tiện hồi hướng...” trở xuống là một tụng trình bày kết luận về tướng thành tựu của hạnh.

Bốn, Từ “Bồ-tát nhất tâm...” trở xuống có sáu tụng kết luận về tướng lợi ích của hồi hướng trước đây, trong đó: 1) Trên nghĩ đến chư Phật, luận Thập Địa nói như Phật đã đạt được, mình cũng sẽ đạt được, gọi là nghĩ đến Phật; 2) Dưới cứu giúp chúng sinh; 3) Giữ gìn bảo vệ Chánh pháp; 4) Ở nơi có lìa nhiễm; 5) Thân nhiếp pháp lìa chúng sinh; 6) Đức tròn vẹn lìa xa tướng; đều có một tụng hiển bày, có thể biết.

* **Thứ ba trong Đẳng Chư Phật Hồi Hướng cũng có hai**, đó là trường hàng và kệ tụng.

Trong phần trước cũng có hai: Đầu là hạnh của phần vị, sau là quả của phần vị.

Trong phần đầu có ba, đó là nêu ra-giải thích-kết luận.

Trong giải thích có ba: Một, Nêu ra ý hồi hướng về pháp đã Học, tức là giải thích tên gọi; Hai, Từ “Thử Bồ-tát tu hành thời...” trở xuống là chính thức hiển bày về hồi hướng; Ba, Từ “Như thị Ma-ha-tát dĩ chư

thiện căn chính hồi hướng, dĩ thành tựu diệu thân...” trở xuống là trình bày về lợi ích đã thành tựu do hồi hướng.

Trong phần hai là chính thức hồi hướng, có hai: Đầu là hồi hướng Chúng sinh và Bồ-đề; sau từ “Phục tác thị niệm như bỉ quá khứ...” trở xuống là trình bày về hồi hướng Thật tế.

Trong phần đầu cũng có hai: Một, Nhờ vào Sự để thực hành hồi hướng; Hai, Từ “Ma-ha-tát nhược tại gia...” trở xuống là hồi hướng tùy theo duyên thâu nhiếp thiện.

Trong phần một có ba: 1) Nêu ra hạnh nhờ vào Sự; 2) Chính thức dùng để hồi hướng; 3) Từ “Ma-ha-tát dĩ đại nguyện nhiếp thủ hành đẳng...” trở xuống là kết luận về tướng thành tựu lợi ích.

Trong mục một nghĩa là đối với hai cảnh đạt được ba tâm thanh tịnh: a) Đối với hai cảnh nghịch thuận đạt được lìa xa kiết của yêu-ghét; b) Đã lìa xa kiết này mừng vui không có gì hủy hoại; c) Đã lìa xa kiết thì tình thức vui vẻ, khiến cho thân tâm điều hòa thông suốt, nhẹ nhàng thư thái yên ổn. Đã đạt được nhân của niềm vui này chính là hồi hướng.

Trong mục hai chính thức dùng niềm vui của mình để hồi hướng, có ba: a) Hồi hướng về Phật; b) Hồi hướng về Bồ-tát; c) Hồi hướng về chúng sinh.

Trong mục a trình bày về lúc tự mình có được niềm vui nghĩ đến muốn hồi hướng để cúng dường Đức Phật, cho nên trước nhắc lại niềm vui của chư Phật mà nói là chư Phật tuy có niềm vui thanh tịnh vi diệu; sau có mười câu, chính thức hiển bày về niềm vui của chư Phật đã đạt được.

Hỏi: Chư Phật vui trọn vẹn-đức đầy đủ đâu cần phải nguyện cho Đức Phật có được niềm vui, giả sử có nguyện thì đức của Phật lẽ nào tăng thêm?

Đáp: Đức Phật lẽ nào cần đến hương hoa của nhân gian để biểu lộ hiếu tình cúng dường, nhưng bởi vì Bồ-tát này ái kính đối với Như Lai, cho nên tự mình đã cố được niềm vui quay lại để hướng về Đức Phật.

Trong mười câu: Một câu đầu là tổng quát, nghĩa là nguyện Đức Phật đạt được không phải là mình suy lường niềm vui mà Đức Phật an trú; chín câu còn lại riêng biệt hiển bày, đều là không thể nghĩ bàn. 1) Niềm vui Tam-muội là chỗ dựa thuộc công đức của Đức Phật, nghĩa là ra vào qua lại vốn thích hợp. 2) Niềm vui Đại Bi là căn bản thuộc công đức giáo hóa của Đức Phật, nghĩa là ở nơi sinh tử như qua lại ngắm nhìn vườn cảnh. 3) Niềm vui Giải thoát là Giải thoát không thể nghĩ bàn của Đức Phật, như phẩm Bất Tư Nghị ở sau nói có mười loại..., nghĩa là lìa

xa chương ngại tự tại, vốn nói là niềm vui. 4) Niềm vui Thần tức là thần thông của Đức Phật sử dụng tự tại, vốn là niềm vui, như mười Thông... 5) Niềm vui Tôn trọng là đức thù thắng đức của Đức Phật, một mình vượt ra không có gì sánh bằng, cho nên nói là niềm vui thù thắng, niềm vui che phủ người khác gọi là Như Lai che phủ. 6) Niềm vui Vô lượng lực là Trí-Dụng-Thập Lực của Đức Phật tự tại, gọi là niềm vui thuộc về Lực. Trên đây là niềm vui thuộc Đại Bồ-đề, dưới đây là niềm vui thuộc Đại Niết-bàn. 7) Niềm vui Ly giác là Đức Phật Niết-bàn cho nên lìa xa giác quán, kinh Niết Bàn nói: “Lìa xa các giác quán gọi là Niết-bàn.” 8) Niềm vui Bất biến là bởi vì không còn Biến dịch sinh tử; 9) Niềm vui Bất hoại là đức tròn vẹn thường an lạc của Đức Phật. Sơ lược nêu ra ba sự việc: a) Đức của Phật vô ngại, không có gì có thể làm cho ngăn ngại; b) Thường xuyên ở trong Định, không có gì có thể làm cho tán loạn; c) Không có hai hành của biết và không biết, không có gì có thể làm cho khác nhau, cho nên nói là Bất hoại. Lại chín loại này thấu nhiếp làm thành bốn: Một loại đầu là niềm vui Tam-muội; hai là niềm vui Đại Bi; tiếp bốn loại gọi là niềm vui Đại Trí; sau cuối ba loại gọi là niềm vui Tịch Diệt.

Trong mục b là hồi hướng về Bồ-tát, có mười câu phân hai: Một, Khiến cho thành tựu về đức của mình; Hai, Từ “Năng linh...” trở xuống là khiến cho thành tựu về đức giáo hóa.

Trong phần một có sáu: 1) Khiến cho đạt được 140 nguyện của phần vị Tín; 2) Khiến cho tiến vào Chánh giải trực tâm của Thập Trú; 3) Khiến cho tu tập về hạnh Ba-la-mật của Thập Hạnh; 4) Khiến cho trú vào tâm Đại Bồ-đề của Kim Cang Tràng thuộc Thập Hồi Hưởng; 5) Khiến cho thành tựu tâm cầu trí Phật từ Sơ Địa trở lên, chứng Bất thối chuyển; 6) Khiến cho đạt được hạnh không có công dụng trên tám Địa, cho nên nói là không rời bỏ Đại trang nghiêm thủ hộ Bồ-đề...

Trong phần hai là khiến cho thành tựu về đức Lợi tha: 1) Hóa độ khiến cho thành tựu hạnh của Địa tiền; 2) Từ “An trú...” trở xuống là hóa độ khiến cho thành tựu hạnh của Địa thượng; 3) Từ “Đắc chư...” trở xuống là hóa độ khiến cho đạt được đức trên tám Địa; 4) Từ “Chứng Tát-bà-nhã...” trở xuống là hóa độ khiến cho thành tựu về quả.

Trong mục c là hồi hướng về chúng sanh: Đầu là kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; tiếp là chính thức hồi hướng. Trong đó có hai: Một, Trình bày về tự lực của Bồ-tát hồi hướng lợi ích chúng sanh; Hai, Từ “Như Phật...” trở xuống là mong mỗi giống như chư Phật hồi hướng lợi ích chúng sanh.

Trong phần một có mười câu về hồi hướng: Một câu đầu là hồi hướng khiến cho thấy Phật-nghe Pháp-gần Tăng; tiếp ba câu là hồi hướng khiến cho nghĩ đến Tam Bảo; còn lại sáu câu là hồi hướng khiến cho khởi hạnh, 5) Không lìa xa Phật là gần gũi người thiện, 6) Khiến cho phát khởi niềm tin thanh tịnh đối với Phật, 7) Khiến cho phân biệt phát sinh hiểu biết, 8) Khiến cho khởi hạnh thành tựu về đức, 9) Khiến cho thành tựu về nhân của thân thông thanh tịnh, 10) Khiến nghi hoặc vĩnh viễn không còn.

Trong phần hai là giống như chư Phật lợi ích chúng sinh: Một, Tổng quát nêu ra giống như Phật; Hai, Từ “Linh nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng ấy. Trong đó có mười sự việc: Đầu là năm sự việc khiến cho lìa xa khổ đau, nghĩa là ra khỏi bốn nẻo ác và các nơi tai nạn. Sau từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là năm sự việc khiến cho trú vào thiện, trước là ba câu về thành tựu hạnh của Địa tiên, một là phát tâm, hai là tăng trưởng tâm, ba là lìa xa chướng-thường an vui; sau là thành tựu hạnh của Địa thượng, khiến cho tất cả chúng sinh đến cuối cùng đều thành tựu quả đức.

Trong mục ba là kết luận ca ngợi về tướng của lợi ích, dùng các Đại nguyện nhiếp thủ các hạnh... thì ý văn này khó thấy, khiến cho các vị giải thích đều không giống nhau.

Sư Quang Thống nói: Đây là kết luận về nghĩa của ba đạo cứu cánh trên đây, hạnh như nhau thực hành là kết luận về niềm vui cùng với Phật thành tựu hạnh Chứng đạo, tích tụ như nhau là kết luận về niềm vui cùng với Bồ-tát thành tựu hạnh Trợ đạo, trưởng dưỡng như nhau là kết luận về niềm vui cùng với chúng sinh thành tựu hạnh không trú vào đạo.

Pháp sư Viên nói: Chứng tâm đạo trong lý gọi là hành, một đầy đủ tất cả gọi là cùng thực hành; Trợ đạo dần dần đầy đủ gọi là tích tụ, trong mỗi một hạnh đầy đủ tất cả các hạnh gọi là cùng tích tụ; không trú vào dần dần tăng lên gọi là trưởng dưỡng, trong mỗi một môn đầu nhiếp đầy đủ tất cả gọi là cùng trưởng dưỡng.

Pháp sư Phạm nói: Chỉ phát khởi một hạnh gọi đó là hạnh, tổng hợp rất nhiều hạnh gọi là tích tụ, tăng tiến hơn trước gọi là trưởng dưỡng, cũng là hiển bày tên gọi khác nhau của hành trước đây mà thôi. Hạnh mà Bồ-tát thực hành đã vô lượng, không thể nào nêu ra đầy đủ, chỉ như nhau mà nói cho nên đều nói là Đẳng.

Pháp sư Chánh nói: Thiện căn là những pháp thiện như Thí... Dùng các Đại nguyện nhiếp thủ thì Nguyện lớn cho nên Hành lớn.

Hành là hành Tự lợi-Lợi tha. Cùng thực hành là cùng thực hành tất cả các hạnh. Tích tụ là tích lũy công hạnh thành tựu đức của phần vị. Cùng tích tụ là thành tựu tất cả các đức. Trưởng dưỡng là từ hạnh phát sinh hạnh. Cùng trưởng dưỡng là phát sinh tất cả các hạnh.

Pháp sư Biện nói: Hành là những công hạnh của Phật ở trong phần vị Nguyên Lạc, Bồ-tát dùng Đại nguyện thâm nhiếp giống như hạnh ấy, cho nên nói là cùng thực hành. Tích tụ là tu tập tích tụ ở phần vị công dụng của Phật, Bồ-tát cùng tu tập gọi là cùng tích tụ. Trưởng dưỡng là tu tập ở phần vị không có công dụng của Phật, Bồ-tát cùng tu tập gọi là cùng trưởng dưỡng. Vì vậy, trên đây nói như Phật hồi hướng rộng mở hóa độ tất cả, Bồ-tát hồi hướng cũng lại như vậy, là nói đến điều này.

Nay lại giải thích: Tất cả thiện căn của Bồ-tát đều dùng lực của Đại nguyện hồi hướng mà khiến cho thiện căn này thâm nhiếp thành tựu hạnh thù thắng, các hạnh thực hành như nhau, cho nên nói là cùng thực hành. Lại do Nguyên lực thâm nhiếp thiện căn này mà thành tựu các hạnh, khiến cho không thất lạc tản mác, cho nên nói là tích tụ. Có thực hành tích tụ này, cho nên nói là cùng tích tụ. Lại do Nguyên lực thâm nhiếp thiện căn này mà tích tụ nhiều hành, lại phát sinh các hành gọi là trưởng dưỡng. Mỗi một hành phát sinh tất cả các hành, gọi là cùng trưởng dưỡng. Vì vậy đều do Nguyên lực khiến cho những thiện căn này thấy đều rộng lớn đầy đủ trọn vẹn. Trên đây là phần thứ nhất, hạnh nhờ vào Sự để thành tựu hồi hướng, xong.

Từ đây trở xuống là phần thứ hai, tùy theo duyên phát khởi hạnh để thành tựu hồi hướng. Lại giải thích: Cũng có thể trên đây là vì Bồ-đề hồi hướng chúng sinh, cho nên kết luận nói là trưởng dưỡng như nhau. Từ đây trở xuống là vì chúng sinh hồi hướng Bồ-đề, cho nên kết luận nói là nay thiện căn tích tụ như nhau đều hồi hướng. Trong đó có ba: Một, Trình bày về hồi hướng tùy thuận Đại Bi; Hai, Từ “Phục tác niệm... cho đến Tiểu-Đại...” trở xuống là trình bày về hồi hướng sâu nặng Đại Bi; Ba, Từ “Như thị Bồ-tát...” trở xuống là tổng quát kết luận về hồi hướng ba đời.

Trong phần một: Trước là riêng biệt hiển bày; sau từ “Thị vi...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong riêng biệt có ba: 1) Trình bày về Bi cho nên tùy theo nhiệm mà trí khéo léo không có gì cấu nhiễm. 2) Từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là Chánh niệm hiện rõ trước mắt thường thường phù hợp với đạo. 3) Từ “Ma-ha-tát dĩ như thị...” trở xuống là trình bày đối với các chúng sinh

mở rộng thành tựu lợi ích an vui, trong đó có ba: a) Tổng quát nêu ra. b) Từ “Vô lượng chư nguyện...” trở xuống là riêng biệt thành tựu nhiều lợi ích, trong đó: Một là phân rõ về hạnh có thể làm lợi ích; hai từ “Trừ diệt...” trở xuống là trình bày về lợi ích đã thành tựu, trước là khiến cho trừ chướng nghĩ đến pháp, sau từ “Tu tập...” trở xuống là thành tựu hạnh tiến vào Địa. c) Từ “Linh nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt thành tựu an lạc, nghĩa là lìa xa các khổ. Hai, Hồi hướng sâu nặng Đại Bi, nghĩa là cho đến súc sinh... khổ đều cứu giúp loại trừ. Trong đó có hai: Đầu là cứu giúp chúng sinh lìa xa đau khổ; sau từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận về hồi hướng thành tựu lợi ích.

Trong phần đầu: Một là khiến cho lìa xa nhân của khổ; hai từ “Ly súc sinh thú...” trở xuống là trình bày về lìa xa quả của khổ. Vĩnh viễn vượt qua biển khổ là tổng quát, nghĩa là các khổ nhiều loại sâu rộng như biển, Khổ thọ là dẫn đến Khổ thọ trong ba Thọ, Khổ ấm là năm Ấm của nẻo ác, Khổ giác là khổ từ bên trong phát ra, bởi vì giác quán là Khổ. Trên đây đều là khổ thô nặng, gọi là Đại khổ tăng thượng. Dưới đây là trình bày về khổ vi tế, Khổ hành là Hành khổ cũng là lấy khổ làm nghiệp hành, Khổ tạng là thân tâm thâm nhiếp tích chứa rất nhiều khổ, Khổ căn nghĩa là nơi Hoặc nghiệp sinh ra khổ. Lại lấy khổ làm chỗ dựa, khổ làm căn bản. Lại cõi Dục-Nhị thiên trở đi là Khổ căn. Khổ xá là bởi vì khổ tự che phủ, cho nên nói là Xá (nhà). Lại giải thích: Khổ thọ là Thọ ấm, Khổ ấm là Sắc ấm, Khổ giác là Tưởng ấm, Đại khổ tăng thượng là Thức ấm, Khổ hành là Hành ấm, luận chung tất cả Uẩn hữu lậu là Khổ tạng. Nhân của khổ có thể sinh ra là căn, quả của khổ tự che phủ là nhà. Tiểu thừa là khổ vì Thật, Sơ giáo tức là khổ vì Không. Kinh nói hiểu rõ năm Thọ ấm trống rỗng không có gì khởi lên là nghĩa về Khổ. Chung giáo ngay nơi Chân như là nghĩa của Khổ, Đốn giáo bật dứt ngôn ngữ là Khổ, Viên giáo bao gồm pháp giới đầy đủ tất cả pháp môn là Khổ. Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong phần sau là hồi hướng có hai: Một, Vì chúng sinh hồi hướng và khuyên dạy chúng sinh hồi hướng cảnh giới Bồ-đề như vậy. Hai, Từ “Chánh niệm...” trở xuống là hồi hướng thành tựu hạnh Tự lợi-Lợi tha. Trước là thành tựu Tự hành, sau từ “Tu Như Lai...” trở xuống là thành tựu hạnh Lợi tha, có mười sự-năm cặp: 1) Từ Bi rộng khắp; 2) Khiến cho đạt được niềm vui giữ gìn pháp thiện; 3) Khiến cho suy xét về Chánh rời xa Tà; 4) Khiến cho vào sâu ra cạn; 5) Khiến cho đầy đủ nhân trú vào quả, vẫn đều có thể thấy.

Ba, Từ “Như thị Bồ-tát...” trở xuống là tổng quát kết luận về thiện

căn ba đời thấy đều hồi hướng.

Hỏi: Thiện căn vị lai chưa có thì lấy gì để hồi hướng?

Đáp: Có hai nghĩa, một là từ nay ngược lại khởi lên Đại nguyện hồi hướng thiện căn vị lai, cũng là lúc tu thành tựu thì hướng đến Bồ-đề, lại không chờ đợi hồi hướng mà cần phải hồi hướng; hai là dựa vào tông chỉ của Viên giáo thì ba trong chín đời hiện tại là có, vì vậy hồi hướng vốn cũng gồm chung ba đời.

Trong phần sau là hồi hướng Thật tế, có hai: Đầu là học theo chư Phật ba đời hồi hướng; sau từ “Ma-ha-tát học tam thế...” trở xuống là kết luận ca ngợi hiển bày thù thắng.

Trong phần đầu có hai: Một, học theo hạnh của Phật quá khứ; Hai, thể lệ giống như hiện tại-vị lai.

Trong phần một cũng có hai: 1) Học theo công hạnh của Bồ-tát quá khứ; 2) Từ “Như bỉ...” trở xuống là dùng thiện căn của mình hồi hướng giống như các vị ấy.

Trong phần một có hai: a) Nêu ra thiện căn của các vị ấy hồi hướng Bồ-đề; b) Từ “Nhi vô sở trước...” trở xuống là trình bày về Bồ-tát ấy tu hạnh lìa tướng.

Trong đó có hai: Một, Lìa xa Vọng vui với Chân, nghĩa là lìa xa Âm-Nhập-Giới không trú vào pháp thế gian là 18 Giới. Hai, Từ “Tri pháp như Không...” trở xuống là thực hành tận cùng Chân tế, trong đó có hai: 1) Tổng quát về tận cùng giới hạn của Không, nghĩa là vượt qua năm nẻo cho nên nói là không còn bến bờ hướng đến; lại đến nguồn cội của Chân cũng không có nơi nào hướng đến, cho nên nói là không còn hướng đến. 2) Từ “Chiếu giải...” trở xuống là riêng biệt dựa theo ba tánh chiếu rọi ba vô tánh, trong đó: Một, trong mục trình bày về sở chấp Vô tướng, trước là chiếu rọi Thật rời bỏ tướng, từ “Nhất thiết chư...” trở xuống là trình bày đích thực phù hợp với Vô tướng, nghĩa là pháp tướng tự nhiên không có, nơi nào nói là trống không, vốn là không có thanh tịnh có thể hướng đến, không có cấu nhiễm có thể hủy hoại. Hai, từ “Vô hữu tự tánh...” trở xuống trong mục trình bày về duyên khởi Vô tánh, trước là hiển bày về pháp Vô tánh, từ “Ưu nhất niệm trung...” trở xuống trình bày đích thực phù hợp với chân lý Vô tánh. Ba, từ “Thường lạc...” trở xuống trình bày về Viên thành thật đầy đủ đức mà thành tựu quả Phật.

Phần hai là dùng thiện căn của mình hồi hướng giống như các vị ấy, như các vị ấy quá khứ đều đã giống như Phật, mình cũng như vậy rõ ràng đã giống như Phật; đối với pháp hành mà chư Phật quá khứ đã thực

hành, khởi tâm bắt đầu vui thích, khởi tâm cuối cùng chứng được. Lại đối với pháp thuộc lý của pháp hành ấy, cho nên nói là vui thích chứng được. Nhưng ở trong pháp lìa xa tướng như vậy, phát tâm tu tập mà cũng không trái với tướng của các pháp, nguyên cớ vì sao? Bởi vì tất cả các pháp khởi lên đều như huyền, cho nên có pháp này mà không ngăn ngại đối với không có; lại đã có pháp này mà không ngăn ngại đối với không có, cho nên đối với Chân không có mà như thật tu tập tiến vào. Một là nêu ra Dụ để hiển bày Pháp, đều phân biệt... là giải thích về Pháp giống như Dụ, chỉ riêng Như Lai địa... là chọn lấy quả khác với nhân để trình bày về nơi hưởng đến của hồi hưởng. Hai là trình bày theo thể lệ quá khứ giống như hiện tại-vị lại, có thể biết.

Trong phần sau là kết luận ca ngợi hiển bày thù thắng: Trước tiên nêu ra sự hồi hưởng thù thắng của ba đời chư Phật Bồ-tát, mình cũng như vậy đã giống như sự hồi hưởng thù thắng ấy. Từ “Đệ nhất...” trở xuống là kết luận hiển bày về tướng thù thắng có 20 câu: Mười câu đầu dựa theo hình tướng so sánh phân rõ về thù thắng: 1) Vượt qua phạm phủ gọi là Đệ nhất; 2) Vượt qua Tiểu thừa gọi là Thắng; 3) Vượt lên trên nhân gọi là Tối thắng; 4) Một mình vượt ra cho nên gọi là Thượng; 5) Không có gì vượt qua nữa cho nên gọi là Vô thượng; 6) Không có gì sánh bằng cho nên gọi là Vô đẳng; 7) Cao nhất không có hai cho nên nói là Vô đẳng mà bằng nhau; 8) Không có so sánh tương tự; 9) Không có đối đãi; 10) Đức sâu dày đáng tôn trọng.

Mười câu sau dựa theo tự Thể để hiển bày về thù thắng: 1) Thể sâu xa; 2) Xứng với Thật; 3) Lý chính xác; 4) Thâu nhiếp đức; 5) Dụng to lớn; 6) Lìa xa chướng; 7) Đây đủ thiện; 8) Hạnh thanh tịnh; 9) Lìa lỗi lầm; 10) Rời bỏ nhiễm. Trên đây là chính thức hồi hưởng, xong.

Từ đây trở xuống là phần ba trình bày về lợi ích thành tựu do hồi hưởng. Trong đó có hai: 1) Nhờ vào hồi hưởng trước đây thành tựu ba nghiệp thanh tịnh; 2) Nhờ vào ba nghiệp thanh tịnh khiến cho những việc làm thanh tịnh. Đầu là tổng quát hiển bày về thanh tịnh; từ “Trú Bồ-tát...” trở xuống là riêng biệt trình bày về hạnh thanh tịnh. Trong đó có hai: Một, Trình bày về lìa pháp ác đạt được trú; Hai, Từ “Nhập nhất thiết pháp Không...” trở xuống là trình bày tiến vào lý rời bỏ vướng mắc. Trước là quán về Không; từ “Vô trước phân biệt...” trở xuống là hiểu rõ về có-không có dựa vào nhau, nghĩa là Không-Hữu vô ngại, tâm vốn không có gì trú trước.

Ba từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về tên gọi, có thể biết. Trên đây là hạnh của phần vị, xong.

Từ đây trở xuống là trong phần thứ hai trình bày về quả của phần vị, đạt được một phần vị này thành tựu mười loại công đức thù thắng: 1) Tiến sâu vào nhân của Phật; 2) Hưởng đến đức của quả Phật; 3) Trí tiến vào lý sâu xa; 4) Không lìa xa nghiệp Bi; 5) Khéo léo không có gì trú trước; 6) Tiến vào lý càng sâu xa; 7) Thành tựu phước thiện to lớn; 8) Chiếu rọi hiểu rõ Phật tánh; 9) Khéo léo nhận biết các pháp; 10) Không đắm trước đối với thọ sinh.

Trong phần hai là kệ tụng có 24 kệ phân sáu: Một, Một kệ tụng về nêu ra ý giải thích tên gọi trước đây. Hai, Tiếp hai kệ tụng về hồi hướng niềm vui về Phật trước đây. Ba, Từ “Nhất thiết thế gian...” trở xuống có 11 kệ tụng về hồi hướng chúng sinh khiến cho thành Phật trước đây, trong đó có ba: 1) Bốn kệ về dùng tùy hỷ và niềm vui hồi hướng chúng sinh; 2) Từ “Bồ-tát tu thử hồi hướng thời...” trở xuống là bốn kệ trình bày về giống như Phật hồi hướng lợi ích cho chúng sinh; 3) Từ “Bồ-tát sở tu chư hạnh nghiệp...” trở xuống là ba kệ trình bày về chánh niệm hồi hướng làm an lạc cho chúng sinh. Bốn, Từ “Thập phương vô lượng...” trở xuống có bốn kệ tụng về hồi hướng Bồ-đề trước đây. Năm, Từ “Tâm bất xứng lượng...” trở xuống có hai kệ tụng về hồi hướng Thật tế trước đây, kệ trước là thông hiểu về giới hạn của pháp; kệ sau là tận cùng căn nguyên của Tướng, nghĩa là biết Tướng không có tánh, gọi là vượt qua tất cả các Tướng, cũng không hủy hoại Tướng bởi vì tâm Tướng nhất định không có tánh cho nên không cần phải hủy hoại, cũng không hủy hoại không có Tướng bởi vì tất cả đều không có tánh, như vậy biết rõ ràng Tướng của chúng sinh lìa xa có-lìa xa không có. Sáu-Sau cùng có bốn kệ tụng về ca ngợi lợi ích, trong đó đầu là một kệ tụng về ba nghiệp thanh tịnh, tiếp là hai kệ tụng về học theo ba đời chư Phật hồi hướng, sau cuối là một kệ ca ngợi về thù thắng có bảy Tuệ, có thể biết.

* **Thứ tư trong Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hướng**, cũng có trường hàng và kệ tụng.

Trong phần trước cũng có hai: Một là hạnh của phần vị, hai là quả của phần vị.

Trong phần một cũng có ba, đó là nêu ra-giải thích-kết luận.

Trong giải thích có ba: 1) Hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề; 2) Từ “Ma-ha-tát như thị thiện căn hồi hướng liễu vô sở hữu...” trở xuống là hồi hướng Thật tế; 3) Từ “Ma-ha-tát như thị thiện căn hồi hướng linh chúng sinh...” trở xuống là kết luận ca ngợi về lợi ích.

Trong phần một có ba: a) Dùng thiện căn hồi hướng cúng dường

Tam Bảo; b) Từ “Như thị trang nghiêm...” trở xuống là trình bày về cúng dường bằng việc làm, chính thức hiển bày hồi hướng khắp nơi; c) Từ “Thí như vô ngã...” trở xuống là phân rõ về Dụng thù thắng thâm nhiếp đức của thiện căn ấy.

Trong phần a có hai: Trước là sơ lược trình bày; sau từ “Ma-ha-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là mở rộng hiển bày.

Trong mục trước có ba: Đầu là pháp, tiếp là dụ, sau là hợp.

Trong pháp, hồi hướng như vậy là tổng quát, bởi vì nêu ra lực của đức; đến tất cả là chỉ hiển bày về tướng ấy, nghĩa là tất cả mọi nơi là thụ động đến, thiện căn là chủ động đến, chủ động đến cho nên gọi là Lực. Đây là nhờ vào hồi hướng mà khiến cho như vậy.

Trong dụ, Thật tế không có nơi nào không đến, sơ lược luận về mười nơi để hiển bày về Vô tận, đây là dùng lý để dụ cho hành. Tất cả các Hữu là ba Hữu-hai mươi lăm Hữu..., còn lại đều có thể biết.

Trong hợp có hai: Một là tổng quát hiển bày về cúng dường ba đời chư Phật; hai từ “Quá khứ...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về cúng dường ba đời, trước là khiến cho bốn nguyện của Phật quá khứ đã thực hiện đều được thành tựu đầy đủ, tiếp là khiến cho Phật đương lai mau chóng đầy đủ Phật trang nghiêm, sau từ “Hư không...” trở xuống đối với Phật hiện tại và đại chúng thấy đều cúng dường là trình bày về Bồ-tát này cúng dường khắp những nơi ấy. Như chư Thiên là như chư Thiên đã thực hiện tùy theo ý nghĩ đều thành tựu, Bồ-tát trong một ý nghĩ đầy đủ khắp nơi cũng như vậy, hiển bày về cúng dường tự tại. Từ “Quảng đại...” trở xuống là hiển bày về nguyên cố thành tựu cúng dường, nghĩa là nhờ vào lực hồi hướng phước trí rộng lớn vốn khiến cho thành tựu sự cúng dường đối với chư Phật trước đây mà thôi.

Trong mục sau là mở rộng hiển bày, có hai: Một, cúng dường chư Phật hiện tại ở tất cả các thế giới; hai, từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là cúng dường chư Phật ba đời ở tất cả các kiếp.

Trong mục một có ba: 1) Nêu ra chư Phật đã cúng dường; 2) Từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về phát khởi cúng dường; 3) Từ “Dĩ thử nhất thiết...” trở xuống là chính thức dùng tâm sâu xa để hồi hướng.

Trong mục một có hai: Trước là tất cả thế giới Phật; sau từ “Bỉ hữu Bồ-tát...” trở xuống là trình bày có Bồ-tát đã thực hiện giống như Phật, nghĩa là chư Phật đã cúng dường có hai loại, một là Thật báo Phật, hai là Bồ-tát ở phần vị cuối cùng có thể ở mười phương thị hiện thành Phật. Hai loại này đều là Phật hiện tại, bởi vì đều thuộc về sự cúng dường

hiện tại, cho nên luận đến điều này. Văn có mười câu: 1) Sự hiểu biết sâu xa; 2) Hóa hiện rộng rãi; 3) Thân ứng khắp nơi; 4) Chứng nguồn gốc của pháp; 5) Thể giống như Phật; 6) Khéo léo ứng hiện trọn vẹn; 7) Thuận theo lý phát khởi; 8) Thể kiên cố; 9) Trì dụng lâu dài; 10) Từ đức sinh ra.

Trong mục hai là phát khởi cúng dường, cúng dường Phật hiện tại và cúng dường đối với tháp tượng sau khi Phật diệt độ.

Mục ba từ “Dĩ thử...” trở xuống là trình bày về dùng tâm sâu xa để hồi hướng. Trong đó có mười tâm, nghĩa là hồi hướng như thế nào? Bởi vì một tâm như nhau, thì lấy tâm này để sử dụng. Sau mỗi một tâm đều phải có chữ Hồi Hướng, nhưng người soạn văn lại lược bớt đưa vào phần đầu và phần cuối, phần giữa thì theo đó biết được. Một là tình thức chuyên chú, hai là niệm không phân tán, ba là không duyên ngăn cản, bốn là sùng kính hết sức, năm là vui thích thực hành, sáu là không làm cho dừng lại, bảy là không nhiễm trước, tám là không có năng lực thực hành cũng là lìa xa những việc làm, chín là thẳng thắn lìa xa tổn hại, mười là đích thực thuận với Niết-bàn.

Từ đây trở xuống là mục hai cúng dường chư Phật ba đời ở tất cả các kiếp, trong đó có hai: Một, Nêu ra ruộng (Điền) đã cúng dường, nghĩa là đã lâu nhiều Đức Phật trang nghiêm cho tướng của Báo thân, trang nghiêm cho lý của Pháp thân và nhiều chúng. Hai, Từ “Ngã dĩ...” trở xuống là chính thức hồi hướng phát khởi cúng dường, nghĩa là do mười tâm hồi hướng thuộc thiện căn trước đây trở lại thành tựu sự cúng dường này. Trong đó tâm thứ nhất có mười vật cúng dường: 1) Hương; 2) Hoa; 3) Tràng hoa; 4) Hương xoa; 5) Hương bột; 6) Y phục; 7) Vật báu; 8) Đèn sáng; 9) Vật dụng trang nghiêm; 10) Ngọc Ma-ni. Lại trong mười vật này đều có 20 môn như Hương cái..., cho nên trở thành 200 môn. Trong đó mỗi một môn lại đều có 10 môn như A-tăng-kỳ lan can..., cho nên trở thành 2000 môn. Tất cả A-tăng-kỳ cùng với hai lớp trước tổng cộng có 2210 môn, đều nói là Bất khả thuyết, hoặc nói là không có phạm vi giới hạn... Lại giải thích: Trước là cúng dường Chánh báo của Phật; sau từ “Ứ nhất nhất cảnh...” trở xuống là trình bày về trang nghiêm Y báo của Phật.

Phần b từ “Như thị trang nghiêm...” trở xuống là trình bày về cúng dường bằng việc làm, trong đó có hai: Trước là tổng quát hiển bày về việc đã làm, nghĩa là khiến cho chúng sinh ra khỏi sinh tử đến được Phật địa. Sau từ “Ứ chư...” trở xuống là riêng biệt phân rõ có ba: Một, khiến cho thành tựu đầy đủ hạnh hóa độ, trong đó pháp sáng tỏ là pháp

hóa độ, giáo hóa... là hạnh hóa độ, vô lượng tâm... là pháp rộng rãi thuộc tâm hóa độ, không có nơi đến là hóa độ bất dứt công dụng, sinh ra thiện là do hóa độ mà thành tựu đức. Hai, từ “Linh sinh đồ Phật...” trở xuống là khiến cho thành tựu trọn vẹn về đức của mình, trong đó thấy Phật là duyên thực hành, an trú... là đã thành tựu, tiến vào khắp nơi... là hạnh thành tựu, tiến vào lý hồi hướng thiện căn... là hạnh thành tựu hướng đến quả. Ba, từ “Linh sinh nhân thử...” trở xuống là khiến cho nhân thành tựu đạt được quả.

Phần c từ “Thí như...” trở xuống là trình bày về Dụng thù thắng thâm nhiếp đức của thiện căn đến tất cả mọi nơi, trong đó: Trước là dụ-sau là hợp.

Trước là nêu ra Dụ để hiển bày về Pháp; thiện căn của mình cũng như vậy, là Pháp giống như Dụ, đây cũng là dùng Lý để dụ cho hạnh, nghĩa là thiện căn này đã như Vô ngã khắp tất cả mọi nơi, vì thế cho nên thâm nhiếp chọn lấy pháp ấy để tăng thêm hạnh của mình. Văn có 20 câu, 12 câu đầu thâm nhiếp thành tựu hạnh Tự lợi, tám câu sau thâm nhiếp thành tựu hạnh Lợi tha.

Trong 12 câu đầu: Ba câu đầu là thâm nhiếp thành tựu hạnh kính thuận Tam Bảo; 4) Thành tựu về Hạnh; 5) Thành tựu về Giải, 6) Thâm nhiếp thần thông của Phật thành tựu pháp thiện của mình; 7) Thâm nhiếp đức hóa độ thành tựu tâm thực hành; 8) Thâm nhiếp đức thuộc về nhân để thành tựu hiểu rõ về lý; 9) Thâm nhiếp phương tiện khéo léo nêu rõ Dụng của quả; 10) Thâm nhiếp Dụng của quả để thành tựu phát khởi cúng dường; 11) Thâm nhiếp quốc độ làm trang nghiêm; 12) Thâm nhiếp đời kiếp làm thời gian tu tập.

Trong tám câu sau trình bày về Lợi tha: Đầu là một câu vì chúng sinh mà hiện thân. Tiếp là hai câu về hóa độ khiến cho thành tựu đức: Một là Hành đức, hai là Đoạn đức. Tiếp là bốn câu về lợi ích xứng với căn khí hóa độ: Một là ứng với căn khí hóa độ, hai là đến với mong muốn thanh tịnh, ba là hiện thân để điều phục, bốn là khiến cho hiểu rõ. Sau cùng là một câu về bảo vệ pháp.

Từ đây trở xuống là phần hai hồi hướng Thật tế, trong đó có ba: Một, Trình bày tất cả Sự mà quy về Lý; Hai, Không ngăn ngại Sự mà hiển bày Lý, không ngăn ngại Lý mà thành tựu Sự; Ba, Lý phai mờ mà Sự có ích. Dựa vào ba nghĩa trên dung hòa cùng một thời gian, cho nên phai mờ Lý mà chỉ có Sự, không hẳn Sự mà không phải là Lý; tất cả Sự mà chỉ là Lý, không hẳn Lý mà không phải là Sự. Bởi vì Sự trống rỗng thuộc về Lý, không có Sự nào không phải Lý; Lý thật sự thuận theo

duyên, không có Lý nào ngăn ngại Sự. Bởi vì ba môn này, hoặc là phá bỏ Hữu để hiển bày Không mà Hữu chưa hề tổn hại, dựa vào Không để thiết lập Hữu mà Hữu chưa hẳn tồn tại. Vì thế cho nên dựa theo Lý thì không ẩn-không hiện, dựa theo Sự thì không còn-không mất, suy nghĩ có thể biết.

Trong đoạn trước, như vậy hồi hướng là nhắc lại phần trước, rõ ràng không hề có gì là tổng quát trình bày về tiến vào Thật tế. Sau là riêng biệt hiển bày, có hai: Trước là lìa xa thụ động chọn lấy (sở thủ); sau là lìa xa chủ động chọn lấy (năng thủ), nghĩa là không chấp quả trong nhân, không chấp nhân trong quả, cho nên nói là trong nghiệp không chọn lấy... Lại giải thích: Vốn là Nghiệp trống rỗng không thấy Báo có thể sinh ra, Báo trống rỗng không thấy sinh ra từ Nghiệp. Trước là trình bày lìa xa Vọng, sau là trình bày tiến vào Chân. Thiện thù thắng là thiện thuộc về Lý. Từ “Viễn ly...” trở xuống là trình bày về tướng của lợi ích, nghĩa là lìa xa tán loạn mà tu pháp thiện, bởi vì hiểu rõ về pháp trống rỗng đã chọn lấy, cho nên đối với các pháp có tình thức mà không tin tưởng tiến vào, cầu có pháp vọng ấy không thấy tự tánh mà lại chính là thành tựu; sau giải thích hiển bày, bởi vì tạo tác-hủy hoại đều không thể đạt được, đây là trình bày về thành-hoại đều lìa xa. Sau là trình bày chủ động chọn lấy cũng trống rỗng, bởi vì biết rõ về pháp trống rỗng đã chọn lấy, cho nên hiểu rõ ràng chủ động chọn lấy cũng không thấy gì... Luận nói lìa xa chủ động chọn lấy-thụ động chọn lấy mới chính là Chân Không, là nói đến nghĩa này. Trên đây là phần một trình bày về tất cả Sự mà quy về Lý, xong.

Từ đây trở xuống là phần hai trình bày về Lý-Sự vô ngại mà thiết lập, là bởi vì dần dần thuần thực mà Sự vẫn còn, nghĩa là thông hiểu Lý mà không ngăn ngại Sự tồn tại mới là hiểu rõ đầy đủ trọn vẹn. Vì sao không ngăn ngại tồn tại? Bởi vì đạt được Địa của nhân duyên, đây là hiểu rõ bốn thức duyên khởi làm Địa. Làm sao lại chiếu rọi Lý? Nghĩa là ở nơi Địa của nhân duyên này, thấy được phạm vi của Pháp thân Như Lai Tạng... Làm sao Lý-Sự có thể soi chiếu vô ngại? Bởi vì quán xét như nhau. Lại vì sao Sự này giống như Lý mà không ngăn ngại tồn tại? Bởi vì hiểu rõ thế gian giống như hóa hiện, cho nên Sự hóa hiện giống như Lý mà hiện rõ. Thấu triệt rõ ràng chúng sinh... là trình bày về Lý-Sự dung hòa với nhau hoàn toàn thấu nhiếp vô ngại, cho nên nói là một pháp không hai. Lại bởi vì Sự này đã cùng với Lý không hai, cho nên sự nghiệp này không thể rời bỏ. Sau là trở lại giải thích hiển bày, nghĩa là tất cả Sự mà hiển bày Lý, nhưng Sự không tổn hại, cho nên nói là đối

với hữu vi...; phai mờ Lý mà hiện rõ Sự, nhưng Lý không ẩn kín, cho nên nói là đối với vô vi... Đây tức là không tổn hại về Sự mà tất cả hiển bày về Lý, không ẩn kín Lý mà phai mờ hiện rõ về Sự, vì thế cho nên hữu vi-vô vi vốn không hai mà tất cả đều là hai.

Từ đây trở xuống là phần ba trình bày về Lý phai mờ mà thành tựu Sự, trong đó: 1) Tổng quát trình bày về quán xét Lý mà khởi Sự thực hành; 2) Từ “Tinh cần...” trở xuống là riêng biệt dựa theo Sự xứng với Lý mà phát khởi Đại hạnh có ba: a) Thành tựu hạnh thuộc Trí; b) Từ “Dĩ hư không...” trở xuống là thành tựu hạnh thuộc Phước; c) Từ “Đắc ly si...” trở xuống là cùng kết luận về hai hạnh. Trên đây là phần hồi hướng Thật tế, xong.

Từ đây trở xuống là phần ba kết luận về lợi ích, trong đó có hai: Một là kết luận về thành tựu lợi ích chúng sinh, trong đó có mười: 1) Khiến cho Khí thể gian thanh tịnh; 2) Đạt được Trí chánh giác thế gian; 3) Có thể hóa hiện Chúng sinh thế gian; 4) Đạt được Đại tổng trì; 5) Làm rộng phước cho thế gian; 6) Làm vật báu phước đức cho chúng sinh chọn lấy; 7) Làm mặt trời trí tuệ xuất hiện giữa thế gian; 8) Thiện nghiệp đầy khắp pháp giới; 9) Cứu giúp chúng sinh; 10) Khiến cho thành tựu công đức thanh tịnh. Hai từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là kết luận về thành tựu công đức của mình, trong đó có mười câu: Đầu là một câu tổng quát, nghĩa là thành tựu các hạnh có thể làm nhân của Phật gọi là Như Lai tánh, tâm kiên quyết thâm nhiếp thành tựu gọi là giữ gìn-gọi là duy trì.

Sau là riêng biệt hiển bày về quả đức đã thành tựu, tất cả so sánh phân rõ về nhân mà đều nói là tánh, bởi vì tánh vốn là nhân: 1) Nhân thành tựu quả Phật hóa độ chúng sinh; 2) Nhân thanh tịnh quốc độ; 3) Nghiệp dụng của Phật địa vô tận cho nên nói là Bất hoại, khiến cho thành tựu nhân ấy cho nên nói là tánh; 4) Nhân thành tựu Lượng trí; 5) Nhân của Lý trí; 6) Nhân của Thân thông; 7) Nhân của Ngũ biện; 8) Nhân của Niết-bàn; 9) Nhân của Bồ-đề. Hai phần trên là ý nghiệp, từ “Thị danh...” trở xuống là phần ba kết luận về tên gọi. Trên đây là phần một trình bày về hạnh của phần vị, xong.

Từ đây trở xuống là phần hai phân rõ về quả của phần vị, nghĩa là phần vị này thành tựu đã đạt được quả như vậy, giống như quả Điều nhu-Nhiếp báo... trong Thập Địa ở sau. Trong đó có ba: Một, Tổng quát hiển bày, nghĩa là nhắc lại phần vị thành tựu trên đây, cho nên nói là an trú, có thể dùng tất cả... để phân rõ về công năng thù thắng ấy. Hai, Riêng biệt hiển bày về pháp đã đạt được, nghĩa là dùng thiện căn hồi

hướng đến tất cả mọi nơi, cho nên đạt được quả đến tất cả mọi nơi như vậy, có mười câu: Đầu là ba câu trình bày về ba nghiệp rộng khắp; tiếp là ba câu về Dụng rộng khắp của ba nghiệp, một là dựa vào thân phát khởi thân thông, hai là dựa vào khẩu biện giải thuyết giảng, ba là dựa vào ý nhận biết về pháp; sau cuối là bốn câu hiển bày về Dụng tự tại, một là tự tại đối với Khí thể gian, hai là đối với chúng sinh, ba là đối với kiếp, bốn là đối với niệm. Ba, Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về những năng lực của mình, nghĩa là dùng tất cả thiện căn đều như Thật tế cùng hồi hướng đến tất cả mọi nơi, cho nên thành tựu phần vị này.

Trong phần thứ hai là kệ tụng tổng trì, bốn câu thành một tụng, có 11 tụng phân ba: Một, Bảy tụng về hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề, trong đó có hai: Bốn kệ đầu trình bày về hạnh xứng với chân lý mà khéo léo hồi hướng, ba kệ sau trình bày về các nghiệp giống như Phật mà học theo hồi hướng. Hai, Từ “Vị tăng...” trở xuống là ba tụng về hồi hướng Thật tế. Ba-Từ “Như thị...” trở xuống là một tụng trình bày về quả do hồi hướng mà thành tựu.

* **Thứ năm là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng**, trong đó trong phần trường hàng cũng có hai: Đầu là hạnh của phần vị, sau là quả của phần vị.

Trong phần đầu cũng có ba, đó là nêu ra-giải thích-kết luận.

Trong giải thích có năm: Một, Trình bày về Thể của hạnh đã hồi hướng; Hai, Từ “Ma-ha-tát dĩ thử thiện căn giai tất hồi hướng...” trở xuống là trình bày về hồi hướng Bồ-đề và chúng sinh; Ba, Từ “Ma-ha-tát dĩ như thị đẳng vô đẳng đẳng...” trở xuống là trình bày về hồi hướng Thật tế; Bốn, Từ “Ma-ha-tát như thị thiện căn hồi hướng dĩ đắc vô tận thiện...” trở xuống là trình bày về dựa vào hồi hướng trước đây lại phát sinh thiện căn tiếp tục đem hồi hướng; Năm, Từ “Ma-ha-tát như thị hồi hướng thời...” trở xuống là kết luận về thành tựu công đức của hạnh.

Trong phần một, Bồ-tát này tu pháp sám hối về lỗi lầm của mình mà lìa xa nghiệp chướng, nay tóm lược tất cả phân rõ về nghĩa sám hối lỗi lầm... đưa ra tám môn:

1) Trình bày về khai hợp, trong các Thánh giáo khai hợp nhiều loại. Hoặc là tám lớp, một cúng dường Phật, hai ca ngợi đức của Phật, ba lễ Phật, bốn sám hối, năm khuyến thỉnh, sáu tùy hỷ, bảy hồi hướng, tám phát nguyện, như kinh Ly Cấu Tuệ Sở Vấn Lễ Phật Pháp nói. Hoặc là bảy, vì ca ngợi và lễ Phật hợp lại phân rõ. Hoặc là sáu, vì lược bớt không có cúng dường. Hoặc là năm, vì phát nguyện và hồi hướng như

luận Thập Trú nói. Hoặc là bốn, vì trừ ra lễ Phật. Hoặc là ba như Trí Luận nói: “Bồ-tát ngày ba thời-đêm ba thời đều thực hành ba sự, đó là sám hối-khuyến thỉnh và tùy hỷ, thực hành ba sự này công đức vô lượng càng được gần Phật.” Hoặc là hai, chỉ hồi hướng thiện căn sám hối tội chướng, như kinh Thiện Giới nói. Nay tạm thời dựa vào năm sự mà giải thích.

2) Giải thích về tướng: Một là Lễ Phật có ba, hoặc bảy... như chương Lễ Phật Nghi Thức trước đây phân rõ. Hai là Sám Hối, tội có hai loại: a) Trái với Giáo về Già tội vẫn dựa vào Giáo tác pháp sám hối để trừ diệt; b) Trái với Lý về Tánh tội phát khởi thực hành sám hối diệt trừ. Điều này có hai loại: Một, Tùy theo Sự thực hành sám hối, hoặc là Phương đẳng-tụng chú... tương ứng với Giáo, hoặc là thuận theo Thánh giáo ấy hết sức lễ lạy một vạn năm ngàn danh hiệu chư Phật..., hoặc là ngày đêm sáu thời thiết tha lễ lạy sám hối, bởi vì trải qua nhiều năm hoặc là đọc tụng kinh điển Đại thừa mà chuyển từ nhận lấy nặng nề trở thành nhẹ nhàng... Như vậy không phải là ca ngợi công đức của Như Lai mà cũng có thể diệt trừ tội lỗi phát sinh phước thiện. Hai, Dựa vào Lý quán về diệt, nghĩa là quán xét các pháp là Không, tướng của tội không thể có được, không có gì không tiêu diệt. Như kinh nói: “Nếu muốn cầu trừ diệt thì ngồi ngay thẳng quán xét về tướng...” Lại như phẩm Tiểu Tướng ở sau nói cũng là điều này, bởi vì nghĩa của môn này cũng gồm chung diệt trừ Già tội-Tánh tội.

Hỏi: Như thọ trì Chánh pháp và sám hối tội lỗi trước đây, thì tội này là diệt hay là không diệt?

Đáp: Có thể nói cũng diệt-cũng không diệt, nhờ vào trì pháp và sám hối khiến cho nhận chịu nặng nề hay nhẹ nhàng, bởi vì không nhận chịu nặng nề cho nên nói là diệt, như vậy bởi vì nhận chịu nhẹ nhàng cho nên cũng là không diệt. Luận về kinh Kim Cang Bát Nhã mới phiên dịch nói: “Như mười ác nghiệp nhờ vào trì pháp và sám hối, bởi vì không sinh vào nẻo ác cho nên gọi là nhỏ sạch gốc rễ không còn, nhưng đối với thân hiện tại nhận chịu khổ báo nhẹ nhàng cũng nói là không mất.” Vì vậy, Luận ấy dẫn ra phẩm Như Lai nói rằng: Nếu lại có người thọ trì kinh này cho đến điển nói, thì người này ở đời hiện tại hoặc là thấy ác mộng, hoặc là gặp phải bệnh nặng, hoặc là bị độn đui cưỡng bức khiến phải đi xa, bị mắng nhiếc làm nhục đánh đập thậm chí mất mạng, ác nghiệp vốn có đều được tiêu trừ. Kinh Đại Tập cũng nói giống như vậy.

Ba là Khuyến Thỉnh, Trí Luận nói: “Khuyến thỉnh chư Phật có

hai, nghĩa là lúc mới thành đạo thì khuyến thỉnh Chuyển pháp luân, lúc nhập Niết-bàn thì khuyến thỉnh trú lâu dài ở thế gian, tuy biết chư Phật tự biết rõ thời gian, nhưng phát sinh phước thù thắng cho nên cần phải khuyến thỉnh.” Lại theo kinh Địa Tạng Bồ Tát: “Ba thời khuyến thỉnh lại thêm khuyến thỉnh, Bồ-tát mau thành Chánh giác.” Bốn là Tùy Hỷ, theo Trí Luận và luận Thập Trú thì có ba phần vị: Một, tất cả chư Phật ở khắp nơi mười phương vốn có vô tận công đức đã thành tựu; hai, Bồ-tát Thanh văn... ở mười phương thế giới vốn có tất cả công đức đang tu tập; ba, dưới đến thiện căn của trời-người-phàm phu. Đối với ba phần vị trên đây đều là tâm sâu xa mà phát sinh tùy hỷ đạt được vô lượng thiện căn. Năm là Hồi Hưởng cũng có ba, đó là Chúng sinh, Bồ đề và Thật tế rộng ra như trên phân rõ.

3) Phân biệt về Chỉ-Tác, hoặc là năm sự cùng Chỉ, bởi vì cùng lìa xa chướng; hoặc là năm sự cùng Tác, bởi vì phát khởi hạnh thù thắng; hoặc là sám hối ngăn chặn chướng ngại mà phát khởi pháp thiện thù thắng khác.

4) Phân biệt về trừ chướng, lễ Phật trừ bỏ chướng về Ngã mạn, sám hối trừ bỏ chướng về ác nghiệp, khuyến thỉnh trừ bỏ chướng về phỉ báng pháp, tùy hỷ trừ bỏ chướng về ganh tỵ, hồi hướng trừ bỏ chướng về cầu khác lạ và trừ bỏ chướng về quả báo thế gian vui sướng.

5) Phân biệt về sinh đức, lễ sám phát sinh phước thù thắng, khuyến thỉnh phát sinh tuệ thù thắng, tùy hỷ gồm chung phước-tuệ, hồi hướng gồm chung hai hạnh trước, khiến cho có những thành tựu. Lại nhờ vào lực thâm nhiếp giữ gìn của hồi hướng mà khiến cho Bồ-tát này không rơi vào Nhị thừa-ba cõi.

6) Phân biệt về thứ tự, một là lễ lạy ca ngợi Phật chính vì cầu diệt trừ tội lỗi, và duyên phát sinh phước thiện, cho nên phân rõ trước tiên; hai là dựa vào duyên thù thắng của Phật khiến cho tội lỗi diệt trừ-căn khí thanh tịnh, cho nên tiếp đến sám hối; ba là dựa vào căn khí thanh tịnh này mà tâm mong mỏi thỉnh cầu pháp; bốn là đối với hạnh thù thắng của người khác quên đi riêng mình sinh tâm hoan hỷ, thâm nhiếp giống như tự mình thực hành; năm là hồi hướng những thành tựu trước đây để hướng về Bồ-đề, mới làm thành một nhân.

7) Đạt được quả sai biệt, quả có hai loại: Một-Quả riêng biệt, nghĩa là lễ Phật đạt được quả tôn quý, sám hối trừ chướng đạt được quả y-chánh đầy đủ, khuyến thỉnh đạt được quả Chánh tuệ, tùy hỷ đạt được quả nhiều quyến thuộc cùng nhiều phước đức và nhiều của cải...; hồi hướng đạt được quả lìa xa tà, nghĩa là thường gặp được đời có Phật,

thường có thể tu hành mà không lui sụt. Hai-Quả gồm chung, là tất cả đều xa thì đạt được Vô thượng Bồ-đề.

8) Dựa theo giáo hiển bày khác nhau, nếu dựa theo năm hạnh của Tiểu thừa đều là thật thì trong tông cũng không còn, Sơ giáo ngay nơi Không để thành tựu năm hạnh, Chung giáo ngay nơi Như mà thành tựu, Đốn giáo bật dứt ngôn từ là năm, vô tận pháp giới trong Viên giáo thì trong mỗi một hạnh thâm nhiếp tất cả các hạnh, đều là vô tận làm năm hạnh.

Phần một là Thể của hạnh, trong văn có bảy: 1) Thiện thuộc sám hối lỗi lầm. 2) Thiện thuộc tùy hỷ. 3) Từ “U chư Như Lai...” trở xuống trình bày về thiện thuộc lễ lạy cúng dường. 4) Thiện thuộc khuyến thỉnh. 5) Thiện thuộc tiến vào pháp, trong đó có bốn Tuệ: a) Văn Tuệ; b) Ưc niệm là Tư Tuệ; c) Như thuyết thực hành là Tu Tuệ; d) Tiến vào không nghĩ bàn là tất cả thiện căn chứng trí. 6) Trở lại trình bày về thiện thuộc tùy hỷ, vì sao trình bày, là bởi vì thâm nhiếp nhiều thiện. Theo phẩm Tùy Hỷ trong kinh Đại Phẩm: “Hỏi: Đối với công đức của Bồ-tát Sơ phát tâm cho đến công đức của Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ, khởi tâm tùy hỷ có được bao nhiêu phước đức? Đức Phật dạy: Quốc độ trong thế giới hệ có thể cân biết cân lượng, cho đến quốc độ trong ba ngàn Đại thiên đều có thể cân biết cân lượng, phước đức của tâm tùy hỷ này không thể cân lường. Lại nước biển đầy trong các quốc độ khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, lấy mấy lông chẻ ra làm 100 phần, dùng một phần chấm lấy nước biển, có thể biết số lượng của chấm, phước đức của tâm tùy hỷ này không thể biết được số lượng.” Trong văn có ba: Một là tùy hỷ đối với thiện căn của Phật và Bồ-tát, nghĩa là Bồ-tát này nhờ vào tâm sâu xa tăng thượng mà tùy hỷ với thiện căn ấy, vì vậy khiến cho tâm phù hợp thâm nhiếp thiện căn ấy, cho nên nói là hoan hỷ rồi an trú trong thiện căn ấy. Hai, Từ “Tam thế...” trở xuống là tâm sinh tùy hỷ đối với thiện căn của chúng sinh mà chư Phật đã hóa độ. Ba, Từ “Tam thế...” trở xuống là tổng quát kết luận, tất cả thiện căn thuộc phần vị nhân quả của chư Phật ba đời thấy đều tùy hỷ. 7) Từ “Bỉ chư Như Lai...” trở xuống là tu những thiện căn khác, có bốn: a) Thiện thuộc Hộ pháp; b) Thiện thuộc niệm Phật; c) Thiện thuộc phần vị của nhân, nghĩa là đạo pháp của Bồ-tát là cảnh giới của chính mình; d) Thiện thuộc phần vị của quả.

Trên đây là phân rõ về Thể của hạnh đã hồi hướng.

Từ đây trở xuống là phần hai hiển bày về hồi hướng Bồ-đề và chúng sinh. Trong đó, dùng thiện căn này thấy đều hồi hướng là tổng

quát nêu ra hồi hướng. Sau là riêng biệt hiển bày có ba: Một, Nhắc lại thiện căn trước đây; Hai, Từ “Như thử thiện căn tận quá khứ...” trở xuống là chính thức đem hồi hướng; Ba, Từ “Như thị Ma-ha-tát thiện căn hồi hướng...” trở xuống là kết luận về hồi hướng đã thành tựu.

Trong phần một có 12 câu: 1) Đối với thiện căn trước đây như lúc mới tu đã có được công đức; 2) Như lúc tiến vào Học đã phát sinh thiện căn đều đem hồi hướng để trang nghiêm các quốc độ...; 3) Như lúc đã lâu tích lũy công đức; 4) Như lúc hiểu rõ sâu xa về thiện căn ấy; 5) Lúc đối với thiện căn ấy sinh ra vui mừng; 6) Mà thiện căn ấy như lúc đầy đủ; 7) Lúc thiện căn ấy thành tựu; 8) Lúc dựa vào thiện căn ấy thành tựu những hạnh khác; 9) Lúc dựa vào thiện căn ấy đạt được chứng; 10) Lúc suy nghĩ lựa chọn thiện căn ấy; 11) Lúc tiếp nhận duy trì giữ gìn; 12) Lúc thâm nhiếp giống như tự mình thật sự giữ chí nguyện duy trì. Vào những lúc như vậy đều phát sinh thiện căn đem hồi hướng tất cả.

Từ đây trở xuống là phần hai chính thức trình bày về hồi hướng, nghĩa là Bồ-tát này dùng thiện căn hồi hướng để trang nghiêm quốc độ Phật ba đời khiến cho chúng sinh thanh tịnh, tức là hồi hướng Bồ-đề và chúng sinh. Luận chung về trang nghiêm quốc độ có ba loại thanh tịnh: 1) Xứ sở thanh tịnh; 2) Trú xứ của chúng sinh thanh tịnh; 3) Pháp môn lưu truyền khắp nơi thanh tịnh, cũng gọi là thọ dụng thanh tịnh.

Nay trong văn này có đủ ba nghĩa này: 1) Trình bày về Bồ-tát hồi hướng cầu sự trang nghiêm; 2) Từ “Ma-ha-tát phục như thị hồi hướng...” trở xuống là trình bày về cầu người quý báu trang nghiêm; 3) Từ “Ma-ha-tát dĩ thiện căn phương tiện hồi hướng...” trở xuống là trình bày về thọ dụng thanh tịnh.

Trong phần một có ba: a) Riêng biệt hiển bày về trang nghiêm khác là ở quốc độ Phật ba đời; b) Tổng quát thâm nhiếp dùng để trang nghiêm các thế giới; c) Hiển bày về phạm vi giới hạn của quốc độ đã trang nghiêm.

Trong phần a có ba: Một là phân rõ về trang nghiêm quốc độ Phật quá khứ; hai là trang nghiêm quốc độ Phật vị lai; ba là trang nghiêm quốc độ Phật hiện tại.

Trong mục một là trang nghiêm quá khứ, như thiện căn này là nhắc lại tận cùng thời gian quá khứ đã tu tập trước đây, trình bày về thời gian lâu dài. Tất cả cõi Phật, là làm sáng tỏ về xứ sở rộng lớn. Vô lượng hành phát khởi là hiển bày về nhiều nhân. Phật biết, Bồ-tát hiểu là dựa vào con người, là hiển bày về sâu xa. Ứng với chúng sinh..., là trình bày về cõi ứng với căn cơ. Như Lai đã duy trì..., là trình bày do Thức thanh

tịnh của Phật mà hiện bày, do nhân thanh tịnh mà thành tựu, đây là Chủ tròn vẹn thanh tịnh. Phổ Hiền... là trình bày do nhân rộng lớn mà khởi lên, là quyển thuộc tròn vẹn thanh tịnh. Thế giới ấy nếu có..., là hiển bày về cõi Phật này, bởi vì thành tựu Chánh giác từ trong cõi này.

Trong mục hai là trang nghiêm quốc độ vị lai, có hai: Trước là trình bày về trang nghiêm quốc độ, có bốn: 1) Xứ sở rộng lớn; 2) Thời gian dài; 3) Từ “Nhất thiết chư Phật...” trở xuống là trình bày về nhân thanh tịnh của quốc độ; 4) Từ “Tập bảo...” trở xuống là trình bày về quả trang nghiêm của quốc độ.

Sau từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày về nhân hạnh tu tập của Bồ-tát, có năm: 1) Hiểu rõ pháp thanh tịnh; 2) Duy trì không quên; 3) Dựa vào pháp khởi hạnh; 4) Tiến vào chứng Định là nhân tròn vẹn trước đây; 5) Ánh sáng trí tuệ của Phật soi chiếu thâm nhiếp thành tựu quả đầy đủ. Vì thế cho nên khiến cho quốc độ được tròn vẹn thanh tịnh.

Trong mục ba từ “Như vị lai...” trở xuống là trình bày về trang nghiêm quốc độ hiện tại, trong đó: Trước là tương tự cùng với vị lai. Từ “Chủng chủng...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng trang nghiêm, đủ loại là trang nghiêm nhiều thanh tịnh, đầy đủ là lìa xa cấu nhiễm đến tận cùng, đức khắp nơi là lợi ích rộng lớn, bầy loại như sắc-hương... là riêng biệt hiển bày về trang nghiêm. Từ “Tùy thiện tri thức đẳng...” trở xuống là dùng mười ba loại như tất cả các hương... để trang nghiêm.

Phần b từ “Dĩ như vậy đẳng...” trở xuống là tổng quát thâm nhiếp trang nghiêm quốc độ ba đời trên đây dùng để trang nghiêm cho cõi của mình, trong đó có ba: Trước là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận. Trong riêng biệt có 27 câu, những loại này đều là trang nghiêm quốc độ khác nhau của chư Phật ba đời mà dùng toàn bộ để trang nghiêm cho thế giới của mình.

Phần c từ “Như thị trang nghiêm ư nhất thế giới...” trở xuống là hiển bày về phạm vi giới hạn đã trang nghiêm, có hai: Một là dùng sự trang nghiêm ba đời mà trang nghiêm một thế giới; hai là dùng một giống như nhiều đều tận cùng ba đời, sơ lược luận về chín loại trang nghiêm quốc độ Phật. Trên đây là sự trang nghiêm, xong.

Từ đây trở xuống là phần hai câu người quý báu thuộc hàng Bồ-tát trang nghiêm quốc độ ấy, tức là trú xứ của chúng sinh thanh tịnh, cho nên gọi là Tịnh độ. Trong văn có ba: a) Tổng quát trình bày về hồi hướng cầu người quý báu đầy khắp nơi; b) Từ “Thử chư...” trở xuống là

riêng biệt hiển bày về tướng trang nghiêm; c) Từ “Ư nhất Phật sát thiểu phần...” trở xuống là kết luận về phạm vi giới hạn đã trang nghiêm.

Trong phần riêng biệt có hai: Đầu là trình bày về người đức hạnh đầy khắp quốc độ; sau từ “Sung mãn...” trở xuống là hiển bày về tướng trang nghiêm thành tựu.

Trong phần đầu phân rõ về đức của Bồ-tát có hai lớp: Trước là trình bày về hạnh tu đầy đủ của Bồ-tát; sau từ “Tất tưng...” trở xuống là hiển bày về đức dụng đầy đủ của các Bồ-tát. Trong phần trước có hai: Trước là riêng biệt hiển bày, sau là tổng quát kết luận.

Trong mục trước có hai: Đầu là hiển bày về phước tuệ thù thắng có năng lực thực hành; sau từ “Thành tựu thù đặc...” trở xuống là trình bày về thiện căn tâm chí thực hành.

Trong mục đầu có hai: Một- Phước tuệ thành tựu hai Lợi, trong đó: Trước nêu ra phước tuệ thiện căn có năng lực... là thành tựu Lợi tha; sau tiến sâu vào... là thành tựu Tự lợi. Hai- Từ “Thành tựu niệm Phật...” trở xuống là trình bày về phước trí sinh ra đức thù thắng, ở trong sáu niệm lược bớt không có hai niệm về Giới-Thiên, đây là phước hạnh; từ “Pháp nhật...” trở xuống là trình bày về trí hạnh, trong đó: Đầu là trí rộng lớn chiếu rọi khắp nơi; tiếp là hiển bày về trí sâu xa tiến vào huyền diệu, nghĩa là từ không có gì mà sinh ra giải thích hiển bày về tướng sâu xa, trí dựa vào lý phát khởi cho nên sâu xa; sau là trình bày về sinh ra đức, nghĩa là từ trí sinh ra tất cả các đức thanh tịnh như Lực-Vô úy..., cho nên nói là sinh ra...

Trong mục sau là thiện căn tâm chí thực hành: 1) Thành tựu thiện căn, nghĩa là thành tựu chính là thiện của Chân lý gọi là thù đặc, cấu nhiễm này không cho nên nói là thanh tịnh, vượt qua dưới gọi là tối thắng, vượt lên trên gọi là tăng thượng. 2) Từ “Kiến lập...” trở xuống là hiển bày về Đại chí thực hành: Trước là nêu ra gốc của hạnh đó là tâm Đại Bồ-đề; sau từ “Tịnh ma nghiệp...” trở xuống là năm câu phân rõ về năng lực thực hành thù thắng, một là hết sạch ma nghiệp, hai là hiểu rõ căn cơ chúng sinh, ba là chiếu rọi pháp Không, bốn là rời bỏ bốn điên đảo, năm từ “Diệt vô minh...” trở xuống là kết luận, tu các thiện pháp là kết luận về thiện căn trên đây, đầy đủ Đại nguyện là kết luận về nguyện tâm Bồ-đề trên đây.

Mục sau từ “Thành tựu như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều đức, có thể biết.

Từ đây trở xuống là trong phần sau trình bày về đức dụng đầy đủ của các Bồ-tát, có ba: Một-Đều từ pháp môn sinh ra là tổng quát hiển

bày do đức thù thắng mà thành tựu; hai-Riêng biệt hiển bày; ba-Từ “Thành tựu như thị...” trở xuống là kết luận.

Trong riêng biệt có hai: 1) Đức thuộc Tự phần; 2) Từ “Tùy thuận...” trở xuống là trình bày về đức thuộc Thắng tiến.

Trong phần một có ba: a) Trình bày về đức dụng của thiện căn; b) Từ “Đắc Bồ-đề...” trở xuống là trình bày về đức dụng của Đại trí; c) Từ “Ư chư Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về đức dụng của Tam-muội.

Trong phần a thiện căn thù thắng là Đức, thường thực hiện... là hiển bày về Dụng.

Ngay trong phần b là Dụng của Trí có ba: Một là trình bày về đức dụng của trí, trước là nêu ra Thể của trí, nghĩa là không có si mê tăm tối cho nên là sáng suốt, một thân... là hiển bày về Dụng. Hai từ “Thành tựu...” trở xuống là đức dụng của Đại trí, trước là trí đức phân biệt pháp giới là Dụng của trí. Ba-Từ “Biến du...” trở xuống là đức dụng của trí thanh tịnh, tâm thanh tịnh đạo qua quốc độ là Thể thanh tịnh của trí, nghĩa là không có công dụng cho nên như hư không; đều có thể phân biệt là diệu dụng rộng lớn.

Trong phần c là đức dụng của Tam-muội: Trước là hiển bày về Tam muội đã đạt được, nghĩa là Thể-Dụng sâu rộng gọi là không nghĩ bàn; sau là làm sáng tỏ về Dụng thù thắng có ba, một là phương tiện hướng đến Dụng của quả, hai là an trú dựa vào Dụng rõ ràng đích thực, ba là thông hiểu sâu xa về Dụng của Vô úy. Trên đây là Tự phần, xong.

Từ đây trở xuống là phần hai trình bày về tiến vào cảnh giới Phật thuộc Thắng tiến, trong đó có mười câu phân hai: Một là sáu câu trước thâm nhiếp đức của cảnh giới Phật; hai từ “Tất năng...” trở xuống là bốn câu trình bày về đức của diệu dụng không có nơi chốn.

Trong sáu câu trước: 1) Giống như nhân thiện của Phật; 2) Dựa theo sở chứng của Phật; 3) Duy trì pháp mà Phật đã thuyết; 4) Phát huy viên âm của Phật; 5) Đạt được biện tài ngôn ngữ thuyết pháp giống như Phật; 6) Đạt được Phật địa Vô thượng là kết luận về đạt được phần vị của quả.

Trong bốn câu sau là trình bày về diệu dụng: 1) Khắp nơi quốc độ vô ngại; 2) Thâm nhiếp các pháp vô nhiễm; 3) Dụng rộng rãi của tâm-trí; 4) Thuyết pháp xứng với thật. Trong bốn loại này, một loại đầu là thân nghiệp, hai loại tiếp là ý nghiệp, một loại sau cuối là ngữ nghiệp, có thể biết.

Từ “Thành tựu...” trở xuống là kết luận về đức hiển bày nhiều

trang nghiêm. Thế giới là hiển bày về người quý báu trang nghiêm, bởi vì kinh Pháp Hoa nói: “Nước tên là Đại Bảo Trang Nghiêm, lấy Bồ-tát làm Đại Bảo.” Vì vậy câu này tổng quát về trang nghiêm.

Sau là riêng biệt hiển bày có sáu câu: 1) Người thù thắng đầy khắp quốc độ; 2) Thật đức thành tựu trang nghiêm; 3) Xứng với lý mà an trú; 4) Tiến và đức giúp đỡ lẫn nhau, nghĩa là khéo léo tu là tiến thêm đức của mình, huân tu là đức của các Bồ-tát xông ướp giúp đỡ lẫn nhau; 5) Đức thanh tịnh vô nhiễm, nghĩa là không xen tạp Vô minh, lại không nghĩ đến Thừa khác nhau; 6) Ngừng nhiều thuận với đạo.

Sau là phần c kết luận về phạm vi giới hạn đã trang nghiêm, có ba: Một, Dựa vào trong một quốc độ, một phần ít của Xứ đã có đầy đủ Bồ-tát thuộc mười loại của số lớn như vậy; Hai, Tương tự hiển bày trong một quốc độ ấy, mỗi một phần ít của Xứ còn lại đều có đầy đủ Bồ-tát thuộc mười loại của số lớn như vậy; Ba, Trong một quốc độ đã có trùng trùng Bồ-tát thuộc mười loại của số lớn nhiều như vậy, giống như hư không pháp giới..., thế giới cũng đều đầy đủ Bồ-tát như vậy.

Từ đây trở xuống là phần ba trình bày về thọ dụng trang nghiêm thanh tịnh, cũng là pháp đầy đủ trang nghiêm thanh tịnh, trong đó có mười sự: 1) Hưởng về quốc độ làm cho trang nghiêm thanh tịnh như trước phân rõ; 2) Khiến cho đầy đủ Bồ-tát cũng như trước; 3) Khiến cho Phật xuất hiện; 4) Có pháp của quả đã mong cầu; 5) Có Đại nguyện có thể mong cầu; 6) Thực hành pháp giải thoát quan trọng; 7) Khiến cho thanh tịnh căn cơ đã hóa độ; 8) Khiến cho ở thế giới ấy sẽ được thấy Phật; 9) Khiến cho Phật thường trú; 10) Chuyển pháp luân Thật giáo, bởi vì không phải là Quyền giáo cho nên nói là Bất thối chuyển. Trên đây là chính thức hồi hướng thành tựu trang nghiêm, xong.

Sau là kết luận về hồi hướng đã thành tựu có năm câu, có thể biết.

Phần ba là hồi hướng Thật tế, trong đó có ba: Một, Chính thức hồi hướng Thật tế; Hai, Phân rõ về tiến vào Thật thành tựu lợi ích; Ba, Kết luận về tướng thành tựu của hành.

Trong phần một có sáu câu: 1) Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau. 2) Tâm thanh tịnh... nhờ vào thành tựu hành trước đây, nghĩa là nhờ vào hồi hướng trước đây hưởng về quả to lớn cao nhất, vì vậy làm cho tâm vô cùng thanh tịnh như hư không, an ổn vững chắc như mặt đất. 3) Từ “Nhập bất tư...” trở xuống là chính thức trình bày về tiến vào Thật, nghĩa là bất dứt không có chủ động-thụ động mà có hồi hướng gọi là không nghĩ bàn. 4) Vui với quán xét... là giải thích hiển bày về nguyên

do không có chủ động-thụ động. 5) Vô tận... nghĩa là không có chủ động-thụ động, thành tựu xứng với tánh công đức. 6) Bình đẳng thuận theo... là trình bày giải thích rõ ràng về nguyên do của vô tận.

Hai từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là trình bày tiến vào Thật, thành tựu lợi ích lìa xa hư vọng, có mười cặp: Đầu là một cặp lìa xa vọng của chủ động hồi hướng. Tiếp theo ba cặp như không vọng giữ lấy Phật..., là trình bày về lìa xa vọng của thụ động hồi hướng. Tiếp theo hai cặp như không giữ lấy nghiệp..., là trình bày về lìa xa nghiệp quả hồi hướng, cặp trước lìa xa nghiệp quả của báo tổng quát, cặp sau lìa xa nghiệp quả của báo riêng biệt. Trên đây là lìa xa về có. Tiếp theo một cặp là không hoại..., trình bày về lìa xa không có, bởi vì ngay nơi Không mà không ngăn ngại tồn tại cho nên không hoại, lại tánh tự nhiên ngay nơi Chân cho nên không cần phải hoại. Tiếp theo một cặp là không giữ lấy có..., trình bày về có-không có xa lìa cả hai, bởi vì không giữ lấy có là loại bỏ về chấp có, không hủy hoại có là loại bỏ về chấp không có. Tiếp theo một cặp là sinh tử không phải là xen tạp..., trình bày về lìa xa tướng rời bỏ-hướng về, bởi vì pháp lìa xa tướng sinh tử cho nên không phải là tạp loạn, cũng lìa xa tướng Niết-bàn cho nên không phải là tịch tĩnh. Nay nói ý văn chỉ như vậy, nhưng Cổ đức có nhiều cách giải thích.

Pháp sư Viễn nói: Giải thích chung có hai: 1) Dựa vào Tướng phá bỏ để giải thích, hiểu rõ Thể của sinh tử là Không, cho nên không phải là tạp loạn; Niết-bàn cũng như vậy, cho nên không phải là tịch tĩnh. 2) Giải thích về Dụng sâu xa, hiểu rõ Thể của sinh tử là Tịch, cho nên không phải là tạp loạn. Vì sao? Bởi vì là Thể gần thì nói là Không, là Thể sâu xa thì nói là Bất Không Như Lai Tạng, là Đại bất Niết-bàn có thể kiến lập về nghĩa Đại, diệu dụng phát sinh rất nhiều, không có gì không thực hiện, cho nên không phải là tịch tĩnh. Nhưng dựa vào nghĩa sau, hai loại này là cảnh giới của Phật-đạo thực hành của Phật, cho nên gọi là cảnh giới đạo; sinh tử và Niết-bàn là pháp không có tướng nhất định, cho nên nói là không có pháp. Các Thánh cùng dựa vào, cho nên gọi là cùng nương tựa.

Pháp sư Diên nói: Bởi vì duyên dựa vào thật sinh tử cho nên không phải là tạp loạn, bởi vì thật thuận theo duyên Niết-bàn cho nên không phải là tịch tĩnh.

Pháp sư Biện nói: Cảnh giới đạo của Như Lai thì cảnh này không phải là có-không phải là không có, Chân như là nơi thực hành chứng trí của Phật cho nên nói là cảnh đạo. Không phải là nơi khác làm-không có pháp cùng nương tựa, vốn là Chân như của tự tâm cho nên không

phải là nơi khác làm, chỉ riêng Phật trí dựa vào cho nên không có pháp cùng nương tựa.

Nay lại giải thích về cặp thứ mười này trình bày lia xa tướng của quả và hạnh hồi hướng, nghĩa là có năng lực hướng đến đạo của cảnh Phật, đạo này vô tánh tức là Không, cho nên không phải là nơi khác làm, ngầm hướng đến quả Phật giống như tánh hải, không có trí chủ động dựa vào và lý thụ động dựa vào, cùng chung nơi chốn mà nương tựa cho nên nói là không có pháp cùng nương tựa. Lại bật dứt tướng của nhân cho nên đạo không phải là nơi khác làm, lia xa tướng của quả cho nên không có pháp cùng nương tựa.

Ba là trình bày kết luận về thành tựu của hạnh, trong đó có hai: Trước là kết luận về tu tập tiến vào thành tựu hạnh trên đây, sau từ “Ly chư...” trở xuống là kết luận về tướng thành tựu lợi ích của hạnh trên đây, có thể biết.

Trong phần bốn là dựa vào thiện căn vô tận đã đạt được trước đây tiếp tục đem hồi hướng, có ba: 1) Hiểu bày về thiện căn vô tận đã đạt được; 2) Từ “Dĩ như thị đẳng...” trở xuống là chính thức đem hồi hướng; 3) Từ “Nhãn chung bất kiến...” trở xuống là trình bày về tướng lợi ích ấy.

Trong phần một có mười câu: Câu đầu là tổng quát, nhờ vào hồi hướng trước đây mà đạt được thiện căn vô tận này. Từ “Thường niệm...” trở xuống là chín câu riêng biệt phân rõ: 1) Nhờ vào ý niệm học theo chư Phật ba đời hồi hướng trang nghiêm quốc độ trước đây, cho nên phát sinh thiện căn vô tận; 2) Nhờ vào nguyện cầu người quý báu trang nghiêm quốc độ phát sinh thiện căn vô tận trước đây, cho nên nói là độ nhiều Bồ-tát; 3) Nhờ vào trang nghiêm quốc độ khiến cho các quốc độ thanh tịnh trước đây mà sinh ra thiện căn; 4) Nhờ vào hồi hướng cầu chúng sinh thanh tịnh trước đây mà sinh ra thiện căn; 5) Nhờ vào tùy thuận pháp giới trong hồi hướng Thật tế trước đây mà đạt được thiện căn; 6) Nhờ vào tâm thanh tịnh như hư không-bất động như mặt đất... trước đây mà đạt được thiện căn; 7) Nhờ vào hiểu rõ cảnh giới đạo của Như Lai không phải là nơi khác làm... trước đây mà đạt được thiện căn; 8) Nhờ vào không hư vọng chọn lấy... thành tựu nghiệp thanh tịnh của Bồ-tát trước đây mà đạt được thiện căn; 9) Tổng quát kết luận, nhờ vào các hạnh như trang nghiêm quốc độ... trước đây đều nối thông với ba đời mà đạt được thiện căn.

Từ đây trở xuống là trong phần hai chính thức dùng thiện căn trước đây tiếp tục hồi hướng: Trước là tổng quát nêu ra năng lực của hồi

hướng, bởi vì dùng thiện căn trước đây để hồi hướng cao nhất, cho nên có thể xứng với tánh độ thoát chúng sinh. Sau là riêng biệt hiển bày có mười câu: 1) Bởi vì hóa độ cho nên tiến vào chúng sinh giới, biết Thể là Không cho nên không thấy chúng sinh, hồi hướng cầu đức không có chướng ngại này cho nên gọi là hồi hướng; 2) Không có thọ mạng; 3) Không có Ngã tự tại; 4) Không có phước của người, Già-la xưa kia dịch nghĩa là Người, nay tên gọi chính xác dịch là Số Thủ Thú, bởi vì thường xuyên chọn lấy các nẻo mà thọ sinh. Bốn câu trên đây dựa theo Sinh Không, dưới đây là dựa theo Pháp Không. 5) Bởi vì pháp không có đúng-sai cho nên lia xa giận dữ tranh cãi; 6) Duyên sinh không có thật; 7) Lý thật không đấm trước; 8) Biết rõ về Thể của quốc độ chân thật cho nên không có cấu nhiễm; 9) Hiểu rõ về hành thuận theo duyên cho nên không kiên cố; 10) Thông hiểu về cảnh chỉ do tâm cho nên trống rỗng không có.

Từ đây trở xuống là trong phần ba phân rõ về tướng lợi ích, có ba:

1) Thấy lợi ích của lý, trong đó có chín câu, năm câu đầu trình bày về lia xa tướng, sau từ “Ư Như Lai...” trở xuống là bốn câu về đạt được Thật. 2) Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về thành tựu lợi ích của đức, trong đó trước là thâm nhiếp quả Phật, giữa là có đủ nhân Phật, sau là thâm nhiếp chúng sinh. 3) Từ “Bỉ Bồ-tát...” trở xuống là lợi ích của diệu dụng, trong đó Bảo Tạng là Thể của Dụng, tiếp là trang nghiêm quốc độ, sau là thâm nhiếp chúng sinh hiển bày về Tướng của Dụng. Trên đây là đoạn thứ tư, xong.

Từ đây trở xuống là phần năm trình bày nhờ vào hồi hướng trước đây mà thành tựu đức của hạnh, nhờ vào uy lực là dựa vào phần trước phát khởi phần sau, có mười câu: 1) Hạnh thù thắng không gì sánh bằng; 2) Hạnh kiên cố không gì hủy hoại; 3) Uy lực cao với phá dẹp quân ma; 4) Thành tựu đức không lui sụt; 5) Đây đủ hạn kỳ yêu cầu vốn có; 6) Tâm rộng lớn; 7) Dụng nhanh chóng; 8) Trí sâu xa; 9) Trí rộng rãi; 10) Lực của tâm Bồ-đề xứng với pháp giới. Trên đây là riêng biệt giải thích, xong.

Sau là phần ba kết luận về tên gọi, có thể biết. Trên đây là hạnh của phần vị, xong.

Từ đây trở xuống là phần thứ hai trình bày về quả của phần vị này. Đạt được phần vị này do đó lại đạt được quả này, có ba: Trước là nêu rõ về số, tiếp là đưa ra giải thích, sau là kết luận.

Trong giải thích, trong mười loại đều trước là nêu ra tên gọi của Tạng, sau là giải thích về nghĩa của Tạng: 1) Thấy Phật Tạng; 2) Pháp;

3) Niệm; 4) Tuệ; 5) Nghĩa; 6) Nguyên; 7) Đức; 8) Trí; 9) Biện; 10) Quả. Lại trong mười loại này, sáu loại trước là hành về Tự lợi, một loại là thấy Phật, năm loại là biết pháp.

Trong năm loại: 1) Biết về lý pháp; 2) Nghe về trì giáo; 3) Hiểu rõ văn giáo; 4) Lĩnh ngộ ý nghĩa; 5) Chứng được pháp thật, cũng là Văn-Tư-Tu chứng.

Tiếp là ba hạnh về Lợi tha: 1) Dùng thân công đức để ứng hiện; 2) Dùng ý nghiệp để hiểu rõ; 3) Dùng ngữ nghiệp để biện giải thuyết giảng. Sau cuối là một loại thâm nhiếp quả thành tựu của hạnh, nghĩa là nhờ vào lực hồi hướng này khiến cho hạnh Bồ-tát mau chóng được viên mãn, cho nên tiếp nhận phần vị mà được thành Phật. Sau từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận.

Trong phần thứ hai là kệ tụng tổng trì, có 25 kệ phân năm:

1) Một kệ tụng về Thể của hành trong sáu hối lỗi lầm... trước đây, chỉ tụng về đức của hạnh tùy hỷ.

2) Từ “Tam thế...” trở xuống có chín kệ tụng về hồi hướng Bồ-đề và chúng sinh trước đây, trong đó có ba: Một, Bốn kệ tụng về trang nghiêm quốc độ chư Phật ba đời trước đây, một là học theo Phật trang nghiêm, hai là thâm nhiếp pháp trang nghiêm, ba là hiển bày về đã trang nghiêm, bốn là kết luận giống như Phật trang nghiêm. Hai, Từ “Bỉ chân Phật tử...” trở xuống là bốn tụng về Bồ-tát là người quý báu trang nghiêm cho quốc độ trước đây, trong đó một kệ đầu tụng về sinh trong pháp môn trước đây, một kệ tiếp tụng về nghiệp thù thắng có đủ thân-khẩu, hai kệ sau ca ngợi về đức thù thắng, cũng là ý nghiệp thù thắng. Chưa hề tưởng niệm... là thuần tịnh không xen tạp... ở văn trên. Ba, Một kệ tụng về thọ dụng thanh tịnh trước đây, cũng là pháp đầy đủ thanh tịnh, khiến cho chúng sinh thành Phật đầy đủ Phật pháp, cho nên gọi là Phật độ.

3) Từ “Thập phương...” trở xuống có hai kệ, vượt lên trên tụng về phần thứ năm kết luận đức đã thành tựu trước đây, trong đó: Hai câu đầu tụng về uy lực nhiếp phục chúng ma trước đây, câu tiếp tụng về tất cả thế gian vốn không có thể hủy hoại trước đây, câu tiếp là quyết định tu... tụng về hạnh không gì sánh bằng trước đây, câu tiếp là thành tựu đầy đủ Đại nguyện trước đây, câu tiếp là hồi hướng công đức... tụng về thành tựu công đức bất thối trước đây, hai câu tiếp gồm chung tụng về báo rộng lớn-đức sâu xa đã thành tựu.

4) Từ “Thiện năng quán...” trở xuống có năm kệ tụng về phần thứ ba hồi hướng Thật tế trước đây, trong đó: Một kệ đầu tụng về chính

thức hồi hương Thật tế bao gồm tụng về không vọng giữ lấy nghiệp báo trong phần thành tựu lợi ích trước đây. Bốn kệ còn lại đều tụng về thành tựu lợi ích. Tiếp hai câu trình bày về có-không có của vô sắc-tâm, tức là tụng về ý nghiệp không vướng mắc và quả báo trước đây. Tiếp hai câu tụng về không giữ lấy hữu vi và vô vi trước đây. Tiếp một kệ tụng về nhân quả không hủy hoại, không giữ lấy có-không có... trước đây. Từ “Nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là một kệ ba câu tụng về sinh tử không phải là tạp loạn trước đây. Một câu sau cuối về quốc độ Phật cũng như vậy, là cũng có thể tụng về Niết-bàn không phải là tịch tĩnh trước đây, tương tự với pháp thế gian trống rỗng như nhau, cho nên nói là cũng như vậy.

5) Từ “Bồ-tát như thị tri...” trở xuống có tám kệ, tụng về phần thứ tư dựa vào thiện căn phát sinh trước đây lại đem hồi hương trên đây, trong đó: Đầu là một kệ tụng về mười loại thiện căn vô tận đã đạt được trước đây. Tiếp theo hai kệ tụng về nhờ vào thiện căn trước đây chính thức thành tựu mười loại hồi hương trên đây. Tiếp theo năm kệ tụng về tướng lợi ích của hồi hương trước đây, trong đó hai kệ đầu là vọng thấy đã diệt, rời bỏ... là mắt hoàn toàn không thấy không làm thanh tịnh quốc độ Phật... trước đây; ba kệ sau tụng về không thấy tướng khác nhau của chúng sinh trước đây, nghĩa là chúng sinh xứng với tánh là có-không có... không khác nhau. Hồi Hương thứ năm xong.

